

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế thị trường của nước ta trong những năm gần đây đã đạt được những bước tiến vững mạnh, các doanh nghiệp cũng đóng góp vai trò to lớn của mình cùng cả nước đưa Việt Nam ngày càng phát triển, có vị trí xứng đáng trên trường quốc tế.

Ngày nay với xu hướng tự do cạnh tranh hàng loạt các xí nghiệp, nhà máy, công ty được mở ra. Nhu cầu buôn bán trên thị trường ngày càng được mở rộng, Việt Nam đã dần trở thành một thị trường sôi động. Trong phần đóng góp của các doanh nghiệp phải kể đến phần đóng góp rất lớn của công tác quản trị tài chính trong doanh nghiệp mà hạch toán kế toán là bộ phận quan trọng của hệ thống quản trị tài chính. Đây là bộ phận gián tiếp góp phần tạo nên thành công của doanh nghiệp. Nó có vai trò tích cực trong điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế góp phần tích cực vào quản lý tài chính của Nhà nước nói riêng và quản lý doanh nghiệp nói chung vì nó giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra quyết định nhanh chóng và hợp lý nhất đảm bảo cho sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ như thế nào, chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản trị đưa ra những đối sách phù hợp.

Vì vậy, để kế toán đặc biệt kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phát huy hết vai trò chức năng của nó cần phải biết tổ chức công tác này một cách hợp lý khoa học và thường xuyên.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại đơn vị thực tập, em đã có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về công tác kế toán và tầm quan trọng của nó. Từ kiến thức em đã được học và tìm hiểu, em đã chọn đề tài : “ ***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây***

dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà”cho bài khóa luận của mình.

Nội dung của bài khóa luận được trình bày trong 3 chương:

Chương I: Những lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.

Với kiến thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết về Công ty còn hạn chế nên bài viết của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự trao đổi, góp ý của các thầy cô giáo và các cô bác kế toán trong Công ty để bài khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1 Một số vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1 Một số khái niệm cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1.1 Doanh thu

Doanh thu bán hàng là tổng các giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài(nếu có).

Doanh thu thuần là doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

1.1.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

❖ **Chiết khấu thương mại** là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách đã mua trong khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu của bên bán.

❖ **Hàng bán bị trả lại** là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm hợp

đồng, hàng không đúng mẫu mã, chủng loại, hàng kém chất lượng...Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm giá vốn hàng bán tương ứng trong kỳ.

❖ **Giảm giá hàng bán** là khoản giảm trừ được doanh nghiệp(bên bán) giảm trừ cho bên mua trong trường hợp hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách, không đúng thời hạn...đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

❖ **Thuế tiêu thụ đặc biệt** là thuế đánh vào doanh thu của doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng không được Nhà nước khuyến khích như: rượu, thuốc lá, vàng mã...

❖ **Thuế xuất khẩu** là thuế đánh vào tất cả hàng hóa dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

❖ **Thuế GTGT** của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là thuế tính trên phần giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ. Đây là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau.

1.1.1.3 Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ **Giá vốn hàng bán** là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa hoặc là giá thành lao vụ, dịch vụ hoàn thành được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ.

❖ **Chi phí bán hàng** là toàn bộ chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm: chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ đồ dùng, khấu hao tài sản cố định phục vụ bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp** là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh và một số khoản khác có tính chất chung của toàn doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu

văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định phục vụ cho công việc quản lý, các khoản thuế, phí, lệ phí, dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

1.1.1.4 Doanh thu tài chính và chi phí tài chính

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính** là tổng các giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán như:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Chênh lệch do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ **Chi phí hoạt động tài chính** phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như chi phí tiền lãi vay, và các chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận, tiền bản quyền... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền. Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.
- Các chi phí khác.

1.1.1.5 Thu nhập khác và chi phí khác

❖ **Thu nhập khác** là các khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước hoặc có tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện được hoặc là các khoản thu không mang tính chất thường xuyên. Nội dung thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.
- Thu từ tiền phạt khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay thu hồi được.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

❖ **Chi phí khác** là những khoản chi phí(lỗ) do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là do những khoản chi phí bị sót từ những năm trước. Nội dung chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán(nếu có).
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các chi phí khác.

1.1.1.6 Kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi, lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động...) chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.2 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu còn là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn có thể tham gia vốn góp cổ phần, tham gia liên doanh liên kết với các đơn vị khác. Trường hợp doanh thu không đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu dẫn đến phá sản.

- Để thực hiện quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ doanh nghiệp phải chi ra các khoản chi phí. Đó là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong thời kỳ dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu.

- Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung trong việc xác định lượng hàng hóa tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế phát sinh trong kỳ nói riêng của mình, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó, đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

1.1.3 Nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để phát huy được vai trò kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Lập các chứng từ kế toán để chứng minh các nhiệm vụ kinh tế phát sinh, mở sổ kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết để phản ánh tình hình khối lượng hàng hóa

tiêu thụ, ghi nhận doanh thu bán hàng và các chỉ tiêu liên quan của khối lượng hàng bán(giá bán, doanh thu thuần...)

- Quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ khi hàng hóa phát hiện, xử lý kịp thời hàng hóa ứ đọng.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, thu nhập, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.
- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và hạch toán đầy đủ, chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Lựa chọn phương pháp và xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

1.2 Nội dung tổ chức hạch toán kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Việc ghi nhận doanh thu, chi phí phải theo nguyên tắc phù hợp. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

1.2.1.1 Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố ngày 31/12/2001 QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm và hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:*

- Tiêu thụ theo phương pháp trực tiếp: theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký nhận vào hóa đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- Tiêu thụ theo phương pháp đại lý: doanh nghiệp chuyển hàng đi gửi tại các quầy hàng, cửa hàng ... nhờ bán hộ. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng chính thức được coi là tiêu thụ, doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: theo tiêu thức này doanh thu được ghi nhận một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

❖ *Thời điểm ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu ghi nhận trong kỳ theo kết quả của phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ phải thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.1.2 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng.
- Thẻ quầy hàng.

- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi.
- Các chứng từ có liên quan khác.

1.2.1.3 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Tài khoản này phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Bên có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 chi tiết thành 5 tài khoản cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

TK 511 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 512 “Doanh thu nội bộ”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc

bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ *Bên nợ:*

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương thức trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

✓ *Bên có:* Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán

Tài khoản 512 chia thành 3 tài khoản cấp 2:

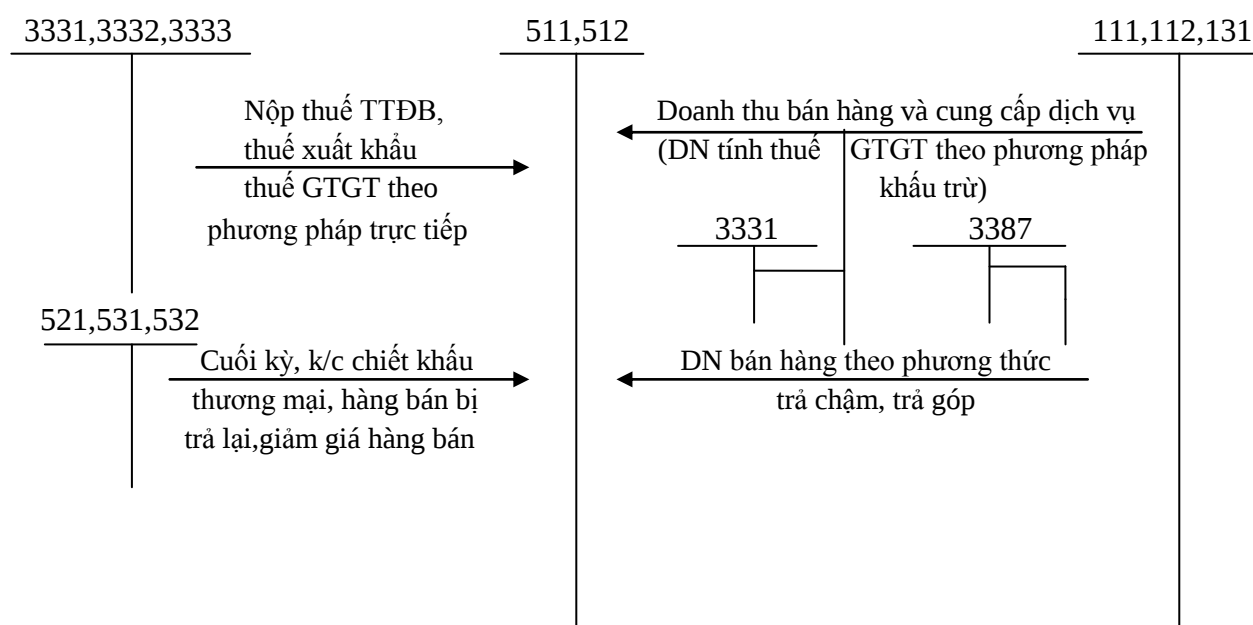
- TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

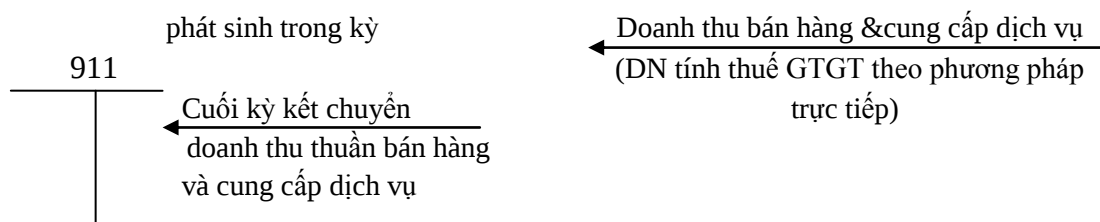
Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.4 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ





1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi, giấy báo nợ.
- Phiếu nhập kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”

Khi hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

- Chỉ hạch toán vào tài khoản này khoản chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng quy định của doanh nghiệp.
- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 521.
- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào tài khoản 521. Doanh thu bán hàng phải phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.
- Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán như: bán hàng (sản phẩm, hàng hóa), cung cấp dịch vụ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

- ✓ *Bên nợ*: số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- ✓ *Bên có*: cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 531 “Hàng bán bị trả lại”

Tài khoản này phản ánh giá trị số hàng bán bị trả lại theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn.

Hàng bán bị trả lại phải nhập kho thành phẩm, hàng hóa và xử lý theo chính sách tài chính, thuế hiện hành.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

- ✓ *Bên nợ*:

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

- ✓ *Bên có*:

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán”

Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

- ✓ *Bên nợ*: Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

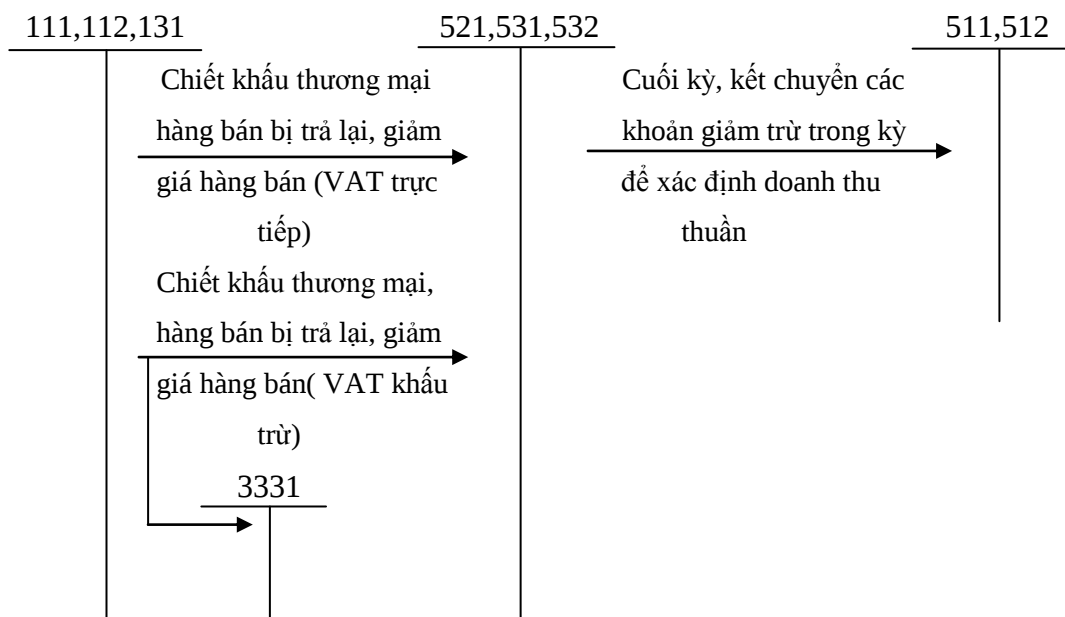
✓ *Bên có:* Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2 : Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1 Các phương pháp tính giá vốn hàng bán

❖ *Phương pháp giá đơn vị bình quân*

Theo phương pháp này, giá vật liệu xuất dùng trong kỳ được tính theo giá bình quân (bình quân cả kỳ dự trữ, bình quân liên hoàn sau mỗi lần nhập)

$$\text{Giá trị thực tế vật liệu xuất dùng} = \text{Số lượng vật liệu xuất dùng} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

Trong đó:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{nhập trong kỳ}}$$

Số lượng thực tế vật liệu tồn đầu kỳ + nhập trong kỳ

Phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ mặc dù đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao, hơn nữa công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến công việc quyết toán chung.

$$\begin{array}{lcl} \text{Giá đơn vị bình quân} & & \text{Trị giá hàng tồn sau mỗi lần nhập} \\ \text{Sau mỗi lần nhập} & = & \frac{\quad}{\text{Số lượng hàng tồn sau mỗi lần nhập}} \end{array}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập khắc phục nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

❖ **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này, số vật liệu nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng số hàng xuất. Nói cách khác, cơ sở của phương pháp này là giá thực tế vật liệu mua trước sẽ được dùng làm giá cho vật liệu xuất trước. Do vậy, giá vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ là giá vật liệu mua vào sau cùng.

Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

❖ **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**

Phương pháp này định giá vật liệu mua sau cùng sẽ được xuất đầu tiên, ngược lại với phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát.

❖ **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này, vật liệu được xác định giá trị theo đơn chiếc hay từng lô, giữ nguyên từ lúc nhập cho đến lúc xuất dùng (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất vật liệu nào sẽ tính giá thực tế của vật liệu đó.

Do vậy, phương pháp này còn có tên gọi là phương pháp đặc điểm riêng và thường được sử dụng với vật liệu có giá trị cao, có tính tách biệt.

1.2.3.2 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Hợp đồng kinh tế.
- Hóa đơn bán hàng thông thường.
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.3.3 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán...

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

✓ *Bên nợ:*

- Giá vốn hàng đã bán.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ kho phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

✓ *Bên có:*

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn hàng đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

✓ Bên nợ:

- Trị giá vốn thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

✓ Bên có:

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán , dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.

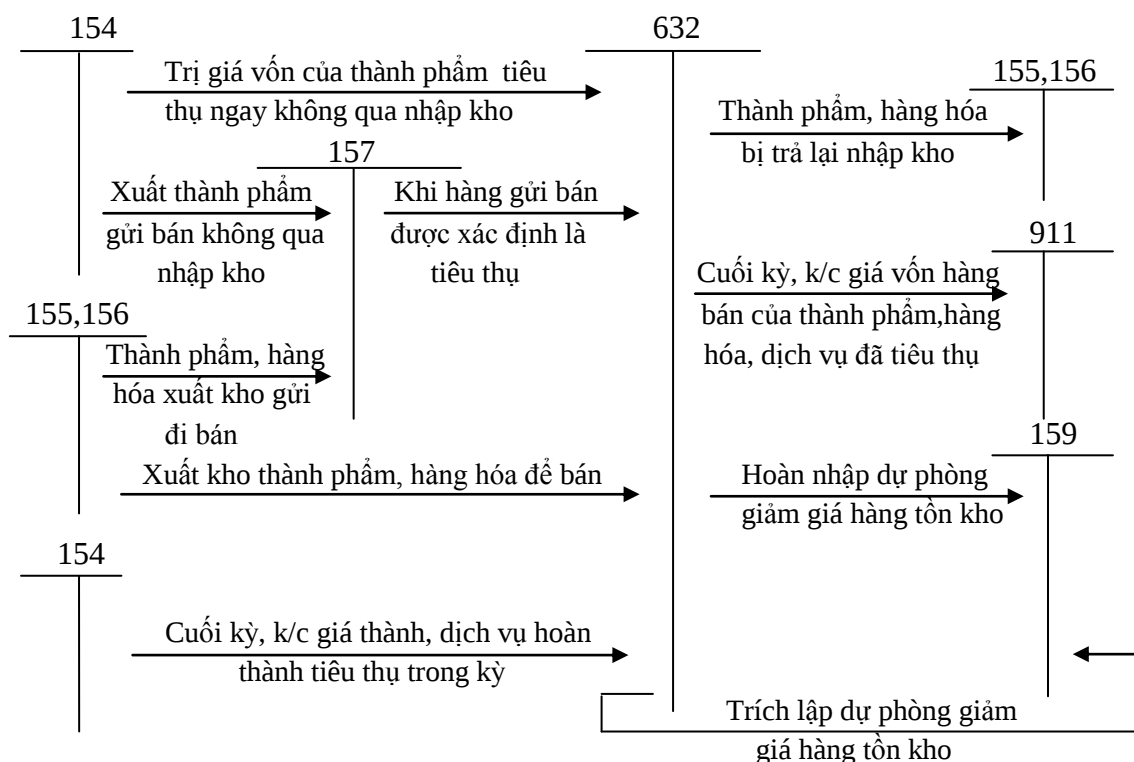
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.4 Phương pháp hạch toán

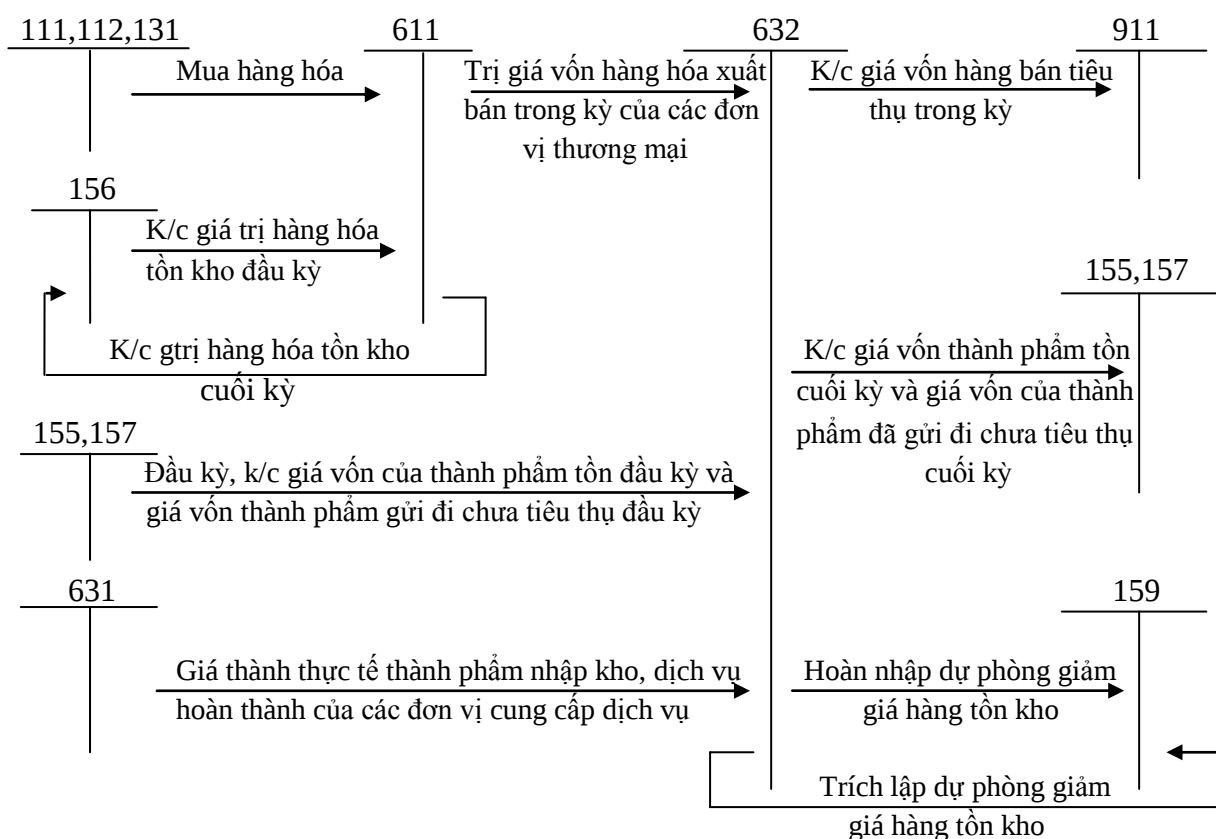
Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được khái quát qua sơ đồ 1.3

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua sơ đồ 1.4

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Bảng phân bổ lương và bảo hiểm xã hội.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao.
- Các chứng từ có liên quan khác.

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng”

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

- ✓ *Bên nợ*: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- ✓ *Bên có*: Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 chi tiết thành 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong một kỳ hạch toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ *Bên nợ:*

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

✓ *Bên có:*

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 642 chi tiết thành 8 tài khoản cấp 2:

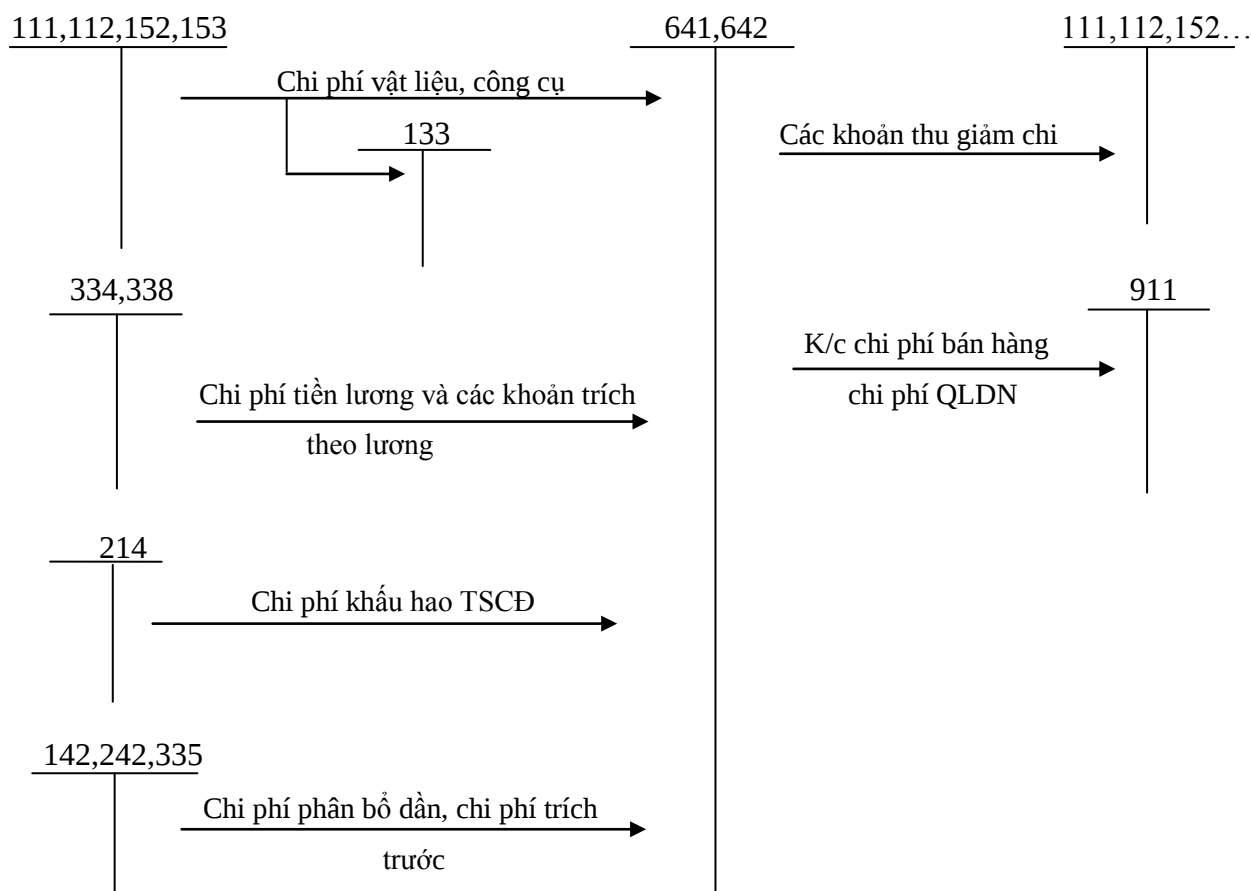
- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6425: Thuế, phí, lệ phí.
- TK 6426: chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.2 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.5 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo nợ, giấy báo có.
- Các chứng từ có liên quan khác.

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ *Bên có:*

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh sau khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (Giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 635 “Chi phí hoạt động tài chính”**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính.

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ *Bên nợ:*

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện).
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện).

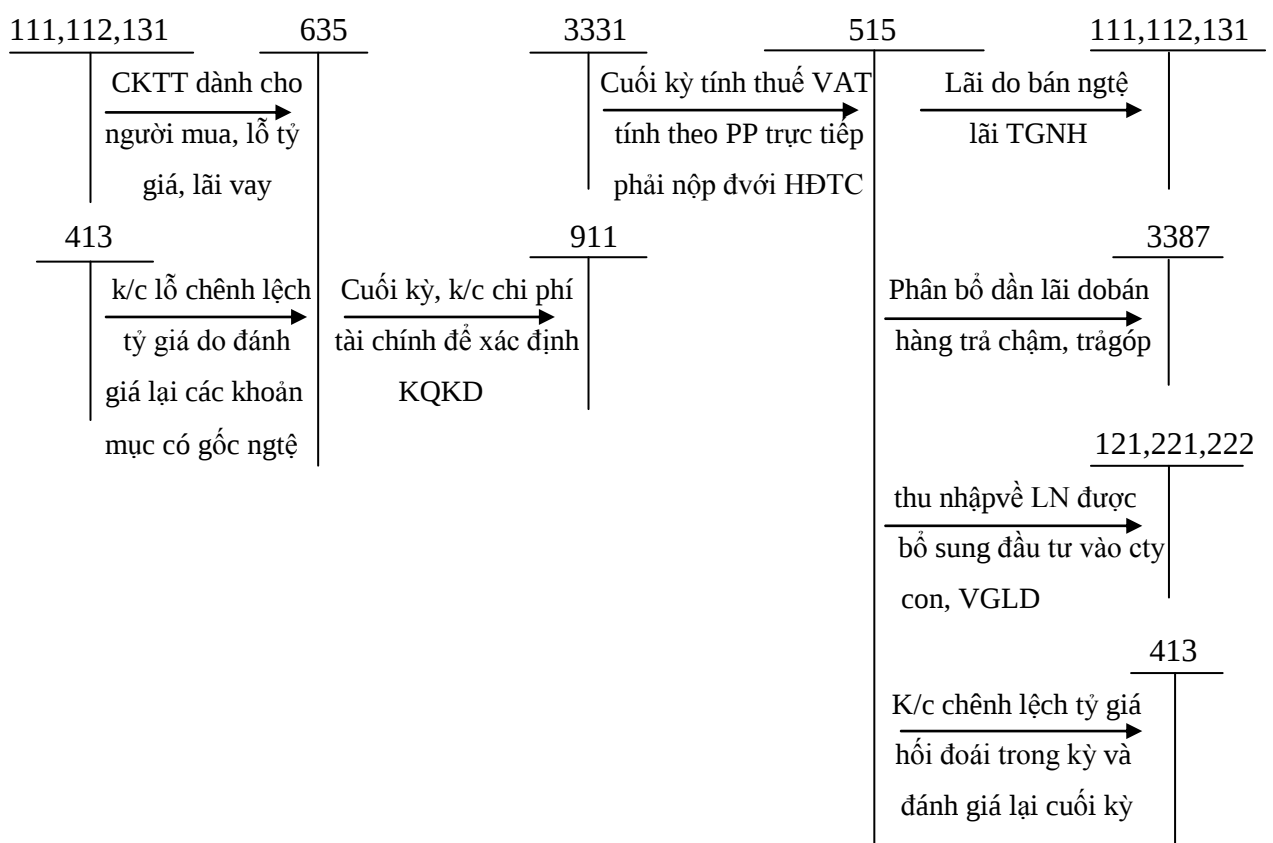
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- ✓ *Bên có:*
 - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
 - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.6 : Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính



1.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi.
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định.
- Các chứng từ có liên quan khác.

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

✓ Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Bên có:

- Thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.
- Nợ khó đòi đã xóa sổ nay thu hồi được.
- Các khoản nợ không ai đòi ghi tăng thu nhập.
- Các khoản thu nhập của năm trước bị bỏ sót, hay quên ghi sổ năm nay phát hiện ra.
- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 811 “ Thu nhập khác”

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ Bên nợ:

- Số tiền phạt do vi phạm hợp đồng, bị phạt thuế, truy thu thuế.
- Các chi phí liên quan đến xử lý thiệt hại trong trường hợp đã mua bảo hiểm.
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán, lãi tiền vay quá hạn vượt khung, số tiền ký quỹ bị phạt.

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

✓ *Bên có:*

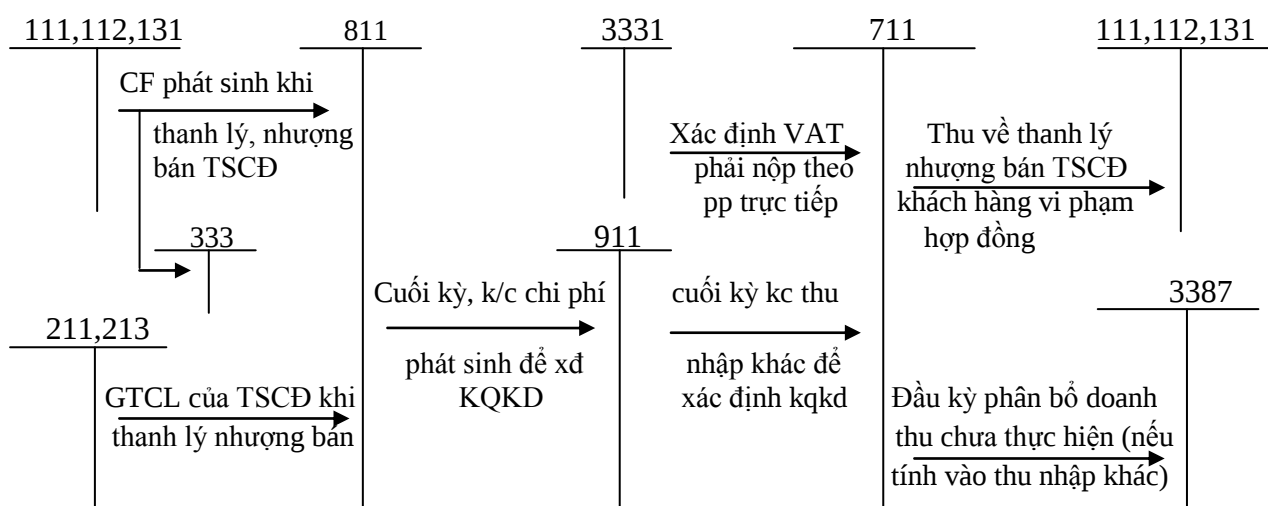
Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.7 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm: thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác.

1.2.7.1 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✓ Bên nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Chi phí thuế TNDN của năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại.

✓ Bên có:

- Chi phí thuế TNDN được điều chỉnh do giảm số đã ghi nhận trong năm lớn hơn số quyết toán thuế TNDN năm.
- Chi phí thuế TNDN được ghi giảm do sai sót phát hiện không trọng yếu của năm trước.
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào bên Nợ tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 chi tiết thành:

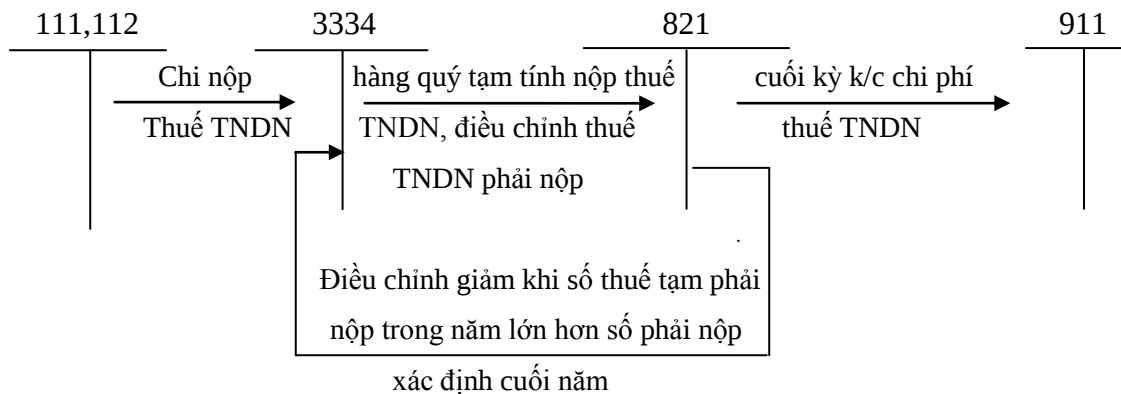
- TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

1.2.7.2 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



1.2.8 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.8.1 Chứng từ sử dụng

- Sổ theo dõi chi phí bán hàng.
- Sổ theo dõi giá vốn hàng bán.
- Các sổ sách khác có liên quan...

1.2.8.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

Hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

- Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.
- Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động(hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...) Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.
- Các khoản doanh thu và thu nhập khác kết chuyển vào tài khoản này phải là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

✓ *Bên nợ:*

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết chuyển lãi.

✓ *Bên có:*

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp.

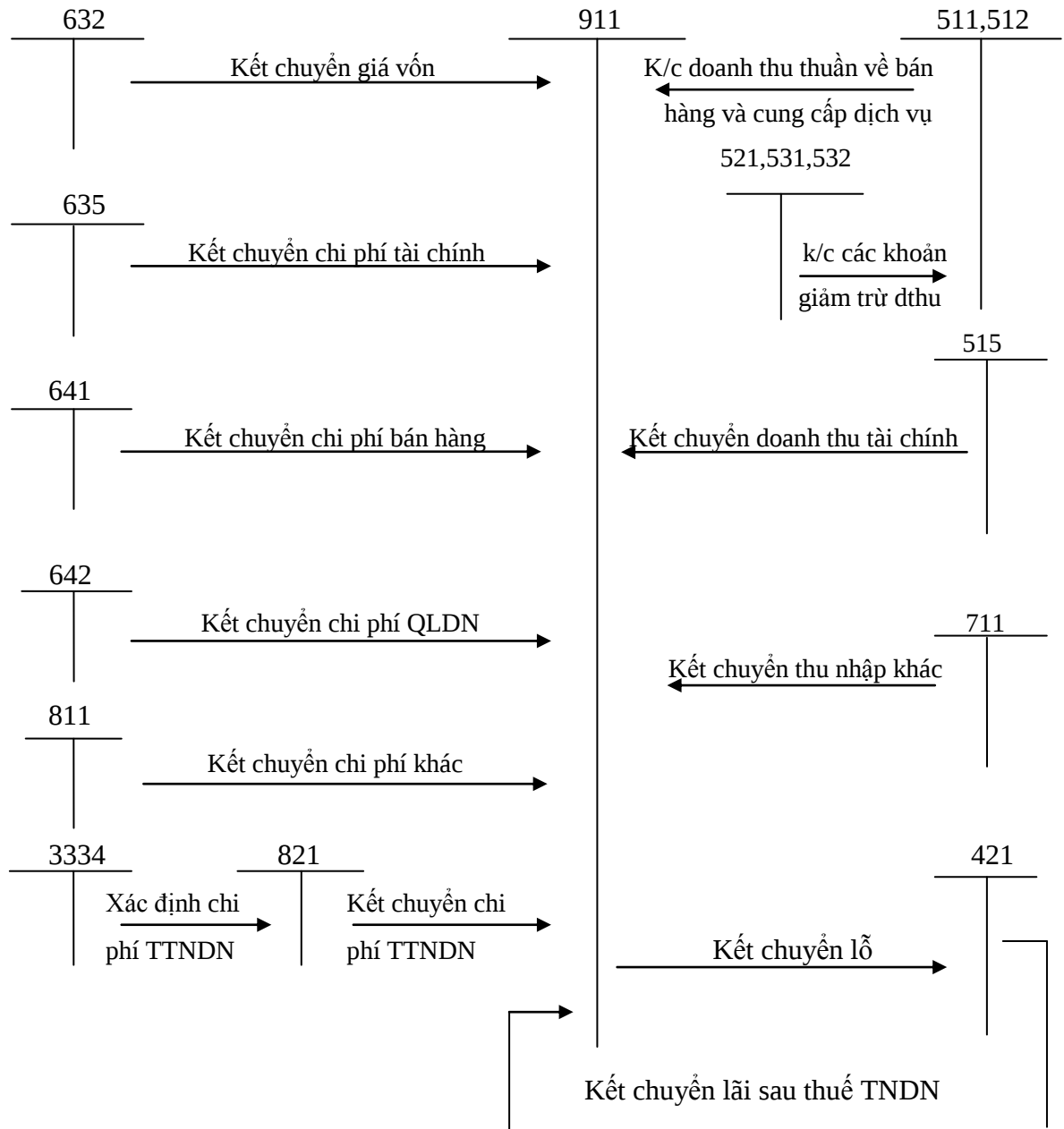
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.8.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.9: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI & VẬN TẢI NGỌC HÀ.

2.1 Khái quát chung về Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển Công ty

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI & VẬN TẢI NGỌC HÀ.
- Tên tiếng anh: NGOC HA TRANSPORT AND TRADING- CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ trụ sở chính của công ty tại: Số 65B Đà Nẵng, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tell: 0313.593525-0313.593526
- Fax: 0313.561986
- Email: ngocha.coop@gmail.com
- Tài khoản số: 0509000001852 Ngân hàng VID Public- CN Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0200587748

Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà được thành lập vào ngày 25 tháng 5 năm 2004 theo giấy phép kinh doanh số 0203000848 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Lấy tên công ty là Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Thương Mại & Vận Tải Ngọc Hà do ông **Đinh Hữu Ngọc** làm chủ tịch hội đồng quản trị kiêm giám đốc công ty.

Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh, được tổ chức và hoạt động theo quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ của công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như tiềm năng sẵn có của mình.

Công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh lần thứ 2 vào ngày 15 tháng 09 năm 2008, tạo điều kiện pháp lý cho công ty hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp, chấp hành đúng yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

2.1.2 Phạm vi và mục tiêu hoạt động của công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà

2.1.2.1 Mục tiêu

Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà được thành lập với mục tiêu kinh doanh đạt hiệu quả cao, phát triển công ty theo hướng kinh doanh đa ngành, đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu tại Công ty.

Công ty hoạt động theo nguyên tắc dân chủ công khai, tôn trọng, thống nhất nhằm mục đích tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông và không ngừng đóng góp cho ngân sách nhà nước theo luật định, phát triển công ty vững mạnh trên các lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

2.1.2.2 Phạm vi hoạt động của Công ty

Ngay từ khi mới thành lập, Công ty đã chọn cho mình hướng đi mang tính chiến lược lâu dài. Cùng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế đã và đang tạo ra những vận hội mới, Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà đã biết tận dụng cơ hội đó để mở rộng kinh doanh những ngành có tiềm năng

Ngành, nghề kinh doanh chính:

- ✓ Nhà phân phối bình nóng lạnh, thiết bị vệ sinh, đại lý vật liệu xây dựng, đá xẻ, gạch ốp lát.
- ✓ Nhà phân phối chính cho hãng Bình Ferroli tại Hải Phòng.
- ✓ Buôn bán thiết bị vệ sinh hãng Cosani, gạch men Dacera, sen vòi Fico,

Tagi...

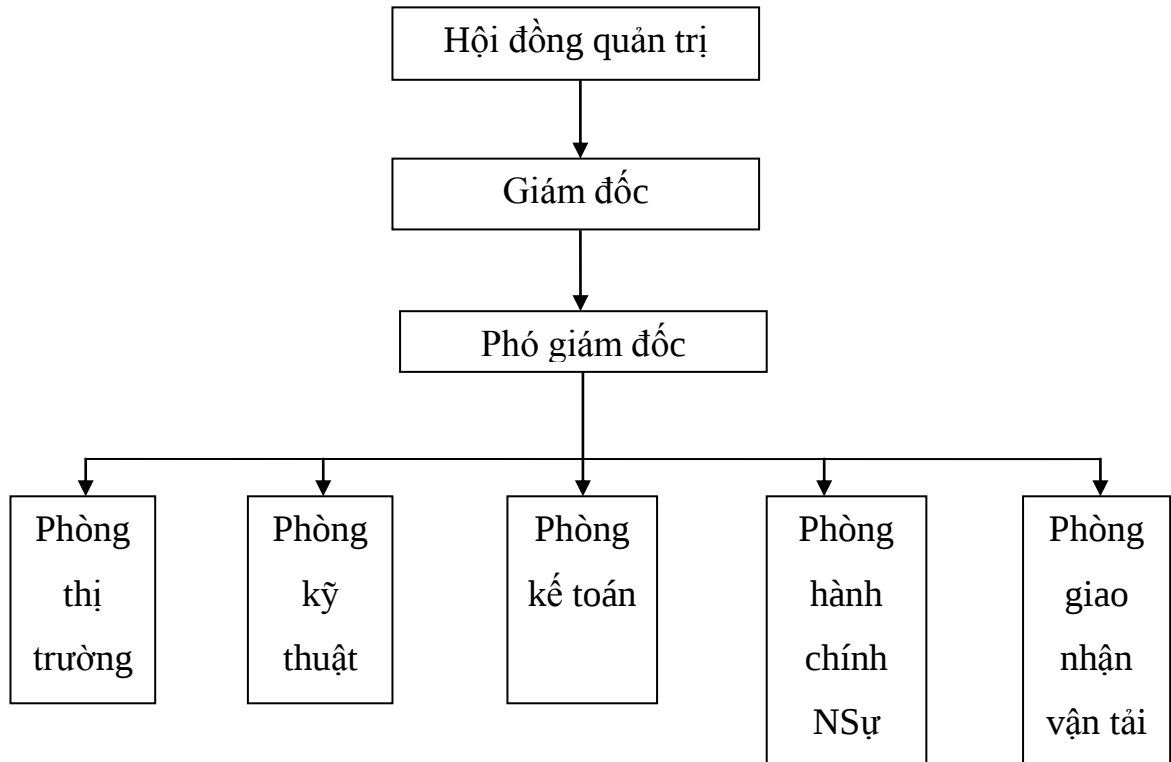
- ★ Vốn điều lệ: 121.645.200.000 đồng
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Số cổ phần đã góp: 12.164.520 cổ phần
- Giá trị cổ phần đã góp: 121.645.200.000 đồng

Công ty luôn coi chất lượng sản phẩm,dịch vụ là nền tảng cho sự lớn mạnh của Công ty,để làm được điều đó Ban lãnh đạo công ty đã không ngừng đầu tư các phương tiện hiện đại để có thể đáp ứng được mọi yêu cầu của khách hàng với một cách nhanh chóng ,kịp thời đảm bảo chất lượng trong mọi hoàn cảnh. Chính nhờ có chiến lược phát triển rõ ràng mà hiện nay Công ty đã xây dựng cho mình một thương hiệu có uy tín không chỉ trong địa bàn thành phố mà còn rộng khắp trong cả nước.

Công ty có tham gia đóng bảo hiểm cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của Công ty. Thực hiện đầy đủ các chế độ về ngày nghỉ lễ, tết cho cán bộ công nhân viên Công. Công ty có quy định về chế độ kỷ luật và khen thưởng cụ thể. Hàng năm tổ chức cho cán bộ công nhân viên Công ty đi tham quan, du lịch.

2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà

Mô hình bộ máy tổ chức và công tác quản lý của Công ty cổ phần xây dựng hương mại&vận tải Ngọc Hà để thực hiện chức năng nhiệm vụ và đảm bảo kế hoạch phát triển đòi hỏi bộ máy tổ chức quản lý phải được bố trí, sắp xếp một cách hợp lý để cho quá trình hoạt động kinh doanh luôn được nhịp nhàng,liên tục. Công ty đã sắp xếp bộ máy hoạt động theo sơ đồ sau: *(Sơ đồ2.1)*



Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức của Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà

2.1.3.1 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các mục đích có liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty.

2.1.3.2 Giám đốc Công ty

Giám đốc công ty là người đứng đầu công ty do Hội đồng quản trị bầu nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc sau khi tham khảo tín nhiệm của Đại hội đồng cổ đông.

Giám đốc là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi giao dịch, chịu trách nhiệm chung về các mặt hoạt động của toàn Công ty. Thay mặt Hội đồng quản trị đưa ra các kế hoạch và tổ chức triển khai cho các bộ phận thực hiện nhằm đạt mục tiêu đề ra của doanh nghiệp.

Giám đốc có quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm khen thưởng, kỷ luật cán bộ, quyết định tiền lương, các công tác tài chính, quyết định tham gia ký kết các hợp đồng.

Giám đốc còn có trách nhiệm tham gia bảo toàn, phát triển vốn và báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cho Hội đồng quản trị theo định kỳ.

2.1.3.3 Phó giám đốc

Là người được giám đốc ủy quyền giải quyết mọi công việc khi giám đốc đi vắng. Chịu trách nhiệm chung về các mặt giao dịch bán hàng, thay mặt giám đốc thực hiện các hợp đồng, giám sát và báo cáo cho giám đốc về các mặt hoạt động trong Công ty.

Phó giám đốc tham gia phụ trách quản lý quỹ, cân đối các khoản thu chi trong Công ty.

2.1.3.4 Các phòng chức năng

Các phòng chức năng: là đơn vị trực thuộc Công ty hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước và chịu sự quản lý toàn diện của Giám đốc công ty. Là các phòng tham mưu cho Giám đốc công ty về công tác: Tổ chức hành chính, kế toán tài chính, kinh doanh, đầu tư và thị trường, từng phòng có nhiệm vụ cụ thể sau:

a. Phòng thị trường

- Tổng hợp số liệu báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của khu vực mình theo định kỳ cho Phó giám đốc
- Phân tích, đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của khu vực mình quản lý.
- Tìm ra các giải pháp tham mưu, đề xuất với Ban giám đốc trong vấn đề tiêu thụ sản phẩm, nâng cao kết quả sản xuất của Công ty.
- Là cầu nối giữa Ban giám đốc với các đại lý, khách hàng và người tiêu dùng.

b. Phòng kỹ thuật

- Nghiên cứu và cải tiến công nghệ, khoa học kỹ thuật.
- Bảo quản và duy trì các trang thiết bị của công ty.
- Chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về chất lượng hoạt động của các trang thiết bị.
- Nghiên cứu, đề xuất với Ban giám đốc về kế hoạch đảm bảo an toàn cho trang thiết bị của công ty và các biện pháp cải tiến kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật máy móc.

c. Phòng kế toán

Có vai trò tham mưu cho Giám đốc tổ chức, chỉ đạo công tác tài chính, cung cấp thông tin tài chính kịp thời để trên cơ sở đó lãnh đạo có thể điều chỉnh kế hoạch tài chính cho hợp lý.

Kế toán cùng với Giám đốc tham gia thảo luận trong các vấn đề có tính chiến lược kinh tế, ký kết hợp đồng, cập nhật chế độ kế toán, tiến hành lập báo cáo tài chính.

d. Phòng hành chính nhân sự

– Chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về tuyển dụng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu không ngừng về khả năng quản lý của hệ thống chất lượng, góp phần nâng cao năng lực hoạt động và hiệu quả tổ chức của công ty.

– Tổ chức việc quản lý nhân sự của toàn Công ty.

– Thiết lập các chính sách về nguồn lực, căn cứ trên cơ sở quyết định sản xuất kinh doanh và định hướng của Công ty.

– Tổ chức hệ thống kiểm soát đảm bảo việc lưu trữ hồ sơ pháp lý, kiểm tra cập nhật.

– Quản lý con dấu công ty, tiếp nhận công văn đến trình bày ban lãnh đạo, chuyển giao công văn đi đảm bảo yêu cầu và kịp thời.

e. Các bộ phận khác

Đây là bộ phận trực tiếp tham gia vào hoạt động kinh doanh của công ty như: giao nhận, bảo vệ, đội xe...

Tất cả các phòng ban trong Công ty mặc dù mỗi phòng ban có nhiệm vụ khác nhau song họ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong công việc. Đó là mối quan hệ phụ thuộc, giúp nhau cùng hoàn thành tốt công việc của Ban lãnh đạo công ty giao cho.

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà

Cũng giống như tổ chức bộ máy quản lý, cơ cấu kế toán của Công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ. Bộ phận kế toán bao gồm 4 người: 1 kế toán trưởng và 3 kế toán viên thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác nhau:

Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm theo dõi và lập kế hoạch tài chính, thực hiện tổ chức hạch toán kế toán, trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, theo dõi và phản ánh tình hình biến động tăng giảm tài sản của Công ty, tiến hành cập nhật chứng từ, sổ sách để phù hợp với chế độ hiện hành. Đồng thời lập báo cáo tài chính định kỳ.

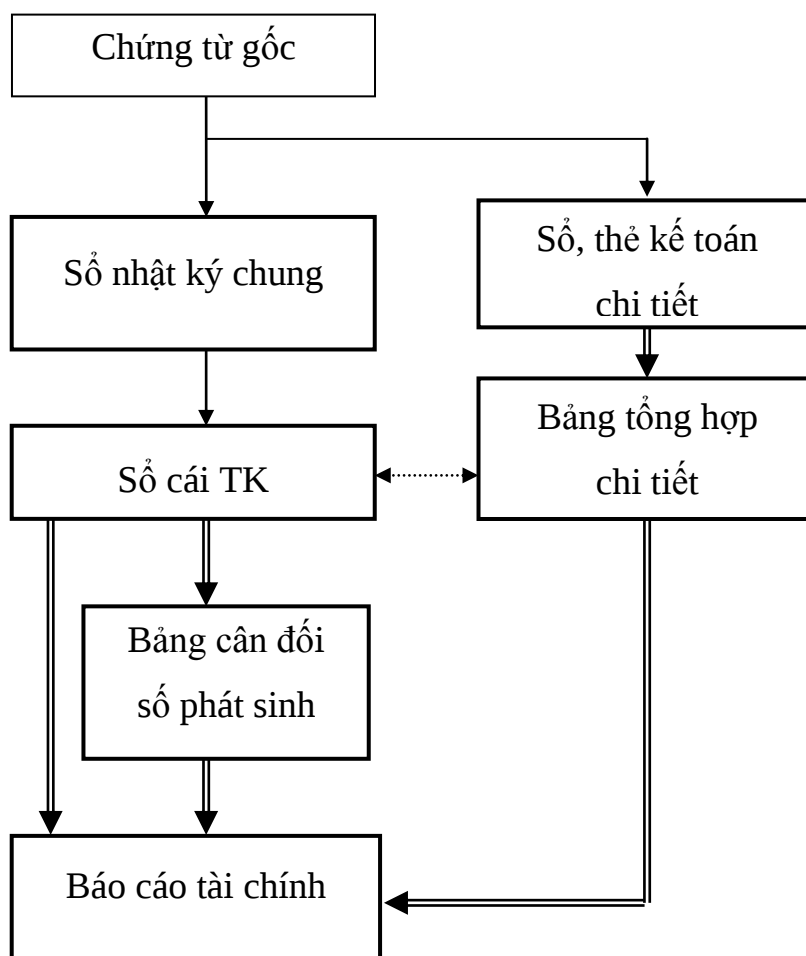
Kế toán viên: Chịu trách nhiệm chủ yếu về ghi chép, theo dõi, kiểm tra các giao dịch tại ngân hàng, xác nhận nợ nhằm hỗ trợ cho kế toán trưởng trong công tác soát các chứng từ, sổ dư tài khoản.

2.1.4.2 Hình thức kế toán áp dụng ở Công ty

Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà là đơn vị kinh doanh sử dụng nhiều tài khoản, khối lượng nghiệp vụ nhiều nên áp dụng chế độ kế toán theo hình thức “ Nhật ký chung” , theo phương pháp kê khai thường xuyên là hợp lý trong công tác quản lý của Công ty. Hình thức này rõ ràng, dễ hiểu giúp kế toán dễ dàng kiểm tra số liệu, đối chiếu nhanh thông tin nắm bắt kịp thời giúp cho công tác quản lý được tốt và có những kế hoạch cụ thể, kịp thời trong công tác kinh doanh.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chung đó là: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của các nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu ở sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế.

❖ Quy trình hạch toán theo hình thức “**Nhật ký chung**” (Sơ đồ 2.2)



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

Sơ đồ 2.2: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, kế toán ghi các nghiệp vụ đó vào nhật ký chung. Căn cứ số liệu trên chứng từ gốc các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào sổ chi tiết tài khoản.
- Cuối tháng, tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết làm căn cứ lập sổ tổng hợp chi tiết.
- Cùng với đó, tại thời điểm cuối tháng kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối tài khoản.

- Để đảm bảo tính chính xác số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết.
- Cuối kỳ kế toán, từ bảng cân đối tài khoản làm căn cứ để lập báo cáo tài chính.

➤ Nguyên tắc ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung đó là: Tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ tổng phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

Hình thức kế toán Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- ❖ Sổ Nhật ký chung
- ❖ Sổ cái: Công ty mở Sổ cái cho tất cả các tài khoản mà Công ty sử dụng. Tại Công ty, mỗi sổ dùng cho một tài khoản ghi phát sinh nợ và phát sinh có.
- ❖ Các sổ chi tiết

2.1.4.3 Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Để tiện cho việc kiểm tra, giám sát Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà sử dụng hệ thống báo cáo tài chính do Nhà nước ban hành. Kết thúc mỗi quý, kế toán các phân hành tiến hành tổng hợp, đối chiếu và tính ra số dư cuối kỳ các tài khoản, chuyển cho kế toán tổng hợp tiến hành lập báo cáo tài chính gồm:

- ❖ Bảng cân đối kế toán
- ❖ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- ❖ Báo cáo kết quả kinh doanh
- ❖ Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà

2.2.1.1 Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty

Doanh thu của Công ty được thu từ nhiều nguồn khác nhau nhưng được chia thành các mảng chính sau:

Doanh thu bán hàng: Công ty thực hiện phương thức tiêu thụ hàng hóa bao gồm cả bán buôn và bán lẻ các mặt hàng như: bình Ferroli, bàn cầu Cosani, sen vòi Fico, phụ kiện Piores, gạch Cosevco, bếp ga Hyundai...

– *Bán buôn:* hàng hóa được bán theo lô hoặc bán theo khối lượng lớn. Hình thức bán buôn mà Công ty áp dụng là hình thức bán buôn qua kho theo phương pháp giao hàng trực tiếp hay chuyển hàng theo hợp đồng.

– *Bán lẻ:* là hình thức bán hàng hóa với số lượng nhỏ. Hình thức bán lẻ mà Công ty áp dụng là hình thức bán lẻ trực tiếp.

Nhìn chung doanh thu của Công ty được thu từ nhiều nguồn khác nhau nhưng nhiều nhất là từ hoạt động bán hàng. Đây là hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty. Hàng năm sản lượng tiêu thụ những mặt hàng này khá lớn. Bởi vậy, doanh thu từ việc kinh doanh này chiếm tỷ trọng lớn và đem lại cho Công ty một khoản lợi nhuận đáng kể.

❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ:* Dịch vụ chủ yếu mà Công ty cung cấp là tư vấn, thiết kế, lắp đặt bồn cầu, bình nóng lạnh. Doanh thu từ mảng này mang lại không nhiều.

❖ Phương thức thanh toán tại Công ty bao gồm:

– Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt.

– Thanh toán bằng chuyển khoản.

– Thanh toán chậm: việc giao hàng và thanh toán tiền hàng trong khoảng thời gian nhất định tùy thuộc thỏa thuận giữa hai bên.

2.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ **Chứng từ sử dụng**

Công ty là doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Do đó chứng từ được Công ty sử dụng chủ yếu trong kế toán doanh thu bán hàng là:

– Hóa đơn GTGT, hợp đồng mua bán hàng hóa.

– Phiếu thu, giấy báo có.

– Phiếu xuất kho.

– Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”. Công ty mở thêm 2 tài khoản cấp 2 là:

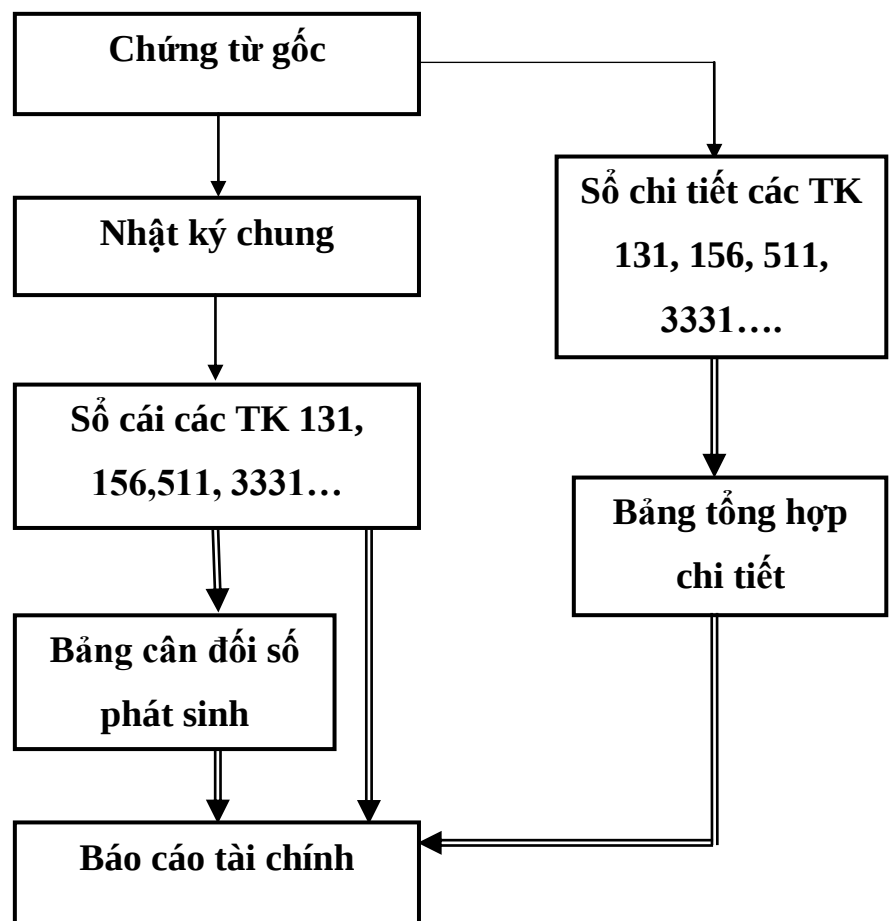
- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

Ở công ty không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại nên không sử dụng tài khoản phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu(TK 531, TK 532, TK 521)

2.2.1.3 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà (Sơ đồ 2.3)



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi định kỳ

Sơ đồ 2. 3: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà

- Hàng ngày khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, căn cứ vào hóa đơn GTGT và hình thức thanh toán của khách hàng (căn cứ theo hợp đồng kinh tế giữa bên bán và bên mua) kế toán lập chứng từ gốc có liên quan: Phiếu thu nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, Giấy báo có của Ngân hàng nếu thanh toán bằng chuyển khoản... Từ các chứng từ gốc trên kế toán tập hợp vào sổ Nhật ký chung. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 511, 131... đồng thời ghi sổ chi tiết TK 511, 131...
- Cuối tháng, căn cứ vào sổ kế toán chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết, đối chiếu sổ cái TK 131 với bảng tổng hợp chi tiết phải thu của khách hàng, sau đó tổng hợp số liệu từ các sổ cái, bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập Báo cáo tài chính.

2.2.1.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 25/12/2010 xuất bán 100 bình QQ30L chống giật cho Công ty TNHH thương mại Hoa Đạt theo hóa đơn số 0086772 với tổng giá thanh toán là 258.500.000 đ, VAT 10% thu bằng tiền mặt.

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết kế toán xuất hóa đơn GTGT, phiếu thu.
- Căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu kế toán vào sổ Nhật ký chung
- Từ Nhật ký chung, kế toán vào sổ chi tiết doanh thu, sổ cái TK 111, sổ cái TK 511, sổ cái TK 3331 và các sổ sách khác có liên quan
- Cuối tháng, tổng hợp số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối TK.
- Cuối kỳ kế toán, kế toán căn cứ số liệu trên bảng cân đối TK lập báo cáo tài chính.

Kế toán định khoản:

a) Nợ TK 632: 190.300.000

Có TK 156: 190.300.000

b) Nợ TK 1111: 258.500.000

Có TK 5111: 235.000.000

Có TK 3331: 23.500.000

Biểu 2.1 : Hóa đơn GTGT số 0086772

HÓA ĐƠN				Mẫu số:01 GTKT -3LL															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				NG/2007B															
Liên 2 : Giao khách hàng				0086772															
Ngày 25tháng 12 năm 2010																			
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà																			
Địa chỉ:.... Số 65B, Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng.....																			
Số tài khoản:0509000001852.....																			
Điệnthoại:..0313.593525.....MS: <table><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>8</td><td>7</td><td>7</td><td>4</td><td>8</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	2	0	0	5	8	7	7	4	8				
0	2	0	0	5	8	7	7	4	8										
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Yến																			
Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại Hoa Đạt																			
Địa chỉ:Luu Kiêm ,Thủy Nguyên, Hải Phòng.....																			
Số tài khoản:0509000001632.....																			
Hình thức thanh toán:..TM.....MS: <table><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>2</td><td>9</td><td>5</td><td>4</td><td>0</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	2	0	0	4	2	9	5	4	0				
0	2	0	0	4	2	9	5	4	0										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3														
1	Bình QQ30L chống giật	Chiếc	100	2.350.000	235.000.000														
Cộng tiền hàng:					235.000.000														
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		23.500.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					258.500.000														
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm năm tám triệu năm trăm nghìn đồng/																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
Nguyễn Thị Yến		Nguyễn Thị Ngọc		Đinh Hữu Ngọc															

Đơn vị: CTY CPXDTM&VT NGOC HÀ

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: Số 65B, Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Quyển số: ...12.....

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

Số: ...T350.....

Nợ: ...1111.....

Có: ...5111,3331..

Họ tên người nộp tiền: ...Nguyễn Thị Yến.....

Địa chỉ: ...CT TNHH thương mại Hoa Đạt.....

Lý do nộp:

Số tiền: ...258.500.000.....(Viết bằng chữ): ...Hai trăm năm tám triệu
năm trăm nghìn đồng.....

Kèm theo:01.....Chứng từ gốc

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán	Người nộp	Người lập	Thủ quỹ
(Ký, họ tên,	trưởng	tiền	phiếu	
đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng
chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Biểu 2.2: Phiếu thu tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ
Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
								
25/12	T350	25/12	Xuất bán 100 bình QQ30L chống giật	a) b) x x	508 509 510 511 512	632 156 1111 5111 3331	190.300.000 258.500.000	190.300.000 235.500.000 23.500.000
25/12	C256	25/12	Thanh toán tiền mua khứ mùi		513 514 515	1561 1331 1111	1.750.000 175.000	1.925.000
								
31/12	KC01	31/12	Kết chuyển dthu, thu nhập để xđ KQKD T12	x	625 626 627 628	5111 515 711 911	1.532.736.000 157.256.640 87.321.000	1.777.316.640
								
			Cộng phát sinh				4.580.760.300	4.580.760.300

Biểu 2.3: Trích Nhật ký chung tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ
Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản :511

Tên sản phẩm(Hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Bình QQ30L chống giạt

Năm: 2010

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác (521,531,532)
						Nợ	Có		
		<u>SDDK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>		
T350	25/12	Bán bình QQ30L thu tiền mặt	1111	100	2.350.000		235.000.000	0	
									
		Cộng phát sinh					1.532.736.000		
		<u>SDCK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>		

Biểu 2.4: Trích sổ chi tiết bán hàng tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ

Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu TK: 511

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>
								
25/12	T350	25/12	Bán bình QQ30L chống giật thu bằng tiền mặt	11	511	1111		235.000.000
								
31/12	KC01	31/12	KC dthu, thu nhập để xd KQKD T12	13	625	911	1.532.736.000	
			Cộng phát sinh				1.532.736.000	1.532.736.000
			<u>SDCK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>

Biểu 2.5: Trích sổ cái tài khoản 511 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ

Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Số hiệu TK: 333

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SDĐK</u>					<u>514.419.300</u>
								
25/12	T350	25/12	Bán bình QQ30L chống giật thu bằng tiền mặt	11	512	1111		23.500.000
								
			Cộng phát sinh				450.880.000	570.450.000
			<u>SDCK</u>					<u>633.989.300</u>

Biểu 2.6: Trích sổ cái tài khoản 333 tháng 12 năm 2010

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà

2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty

Giá vốn hàng bán là giá đã bao gồm toàn bộ giá mua và chi phí có liên quan đến thu mua. Mỗi một khoản doanh thu mà Công ty thu về đều tương ứng với một khoản chi phí Công ty bỏ ra để có được khoản doanh thu đó.

Căn cứ vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và doanh thu chủ yếu là từ bán buôn và bán lẻ hàng hóa, do vậy hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

$$\text{Trị giá xuất kho} = \text{Số lượng} \times \text{Đơn giá bình quân liên hoàn}$$

Trong đó đơn giá bình quân được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân liên hoàn} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 632 “Giá vốn hàng bán”
- TK 156 “Hàng hóa”

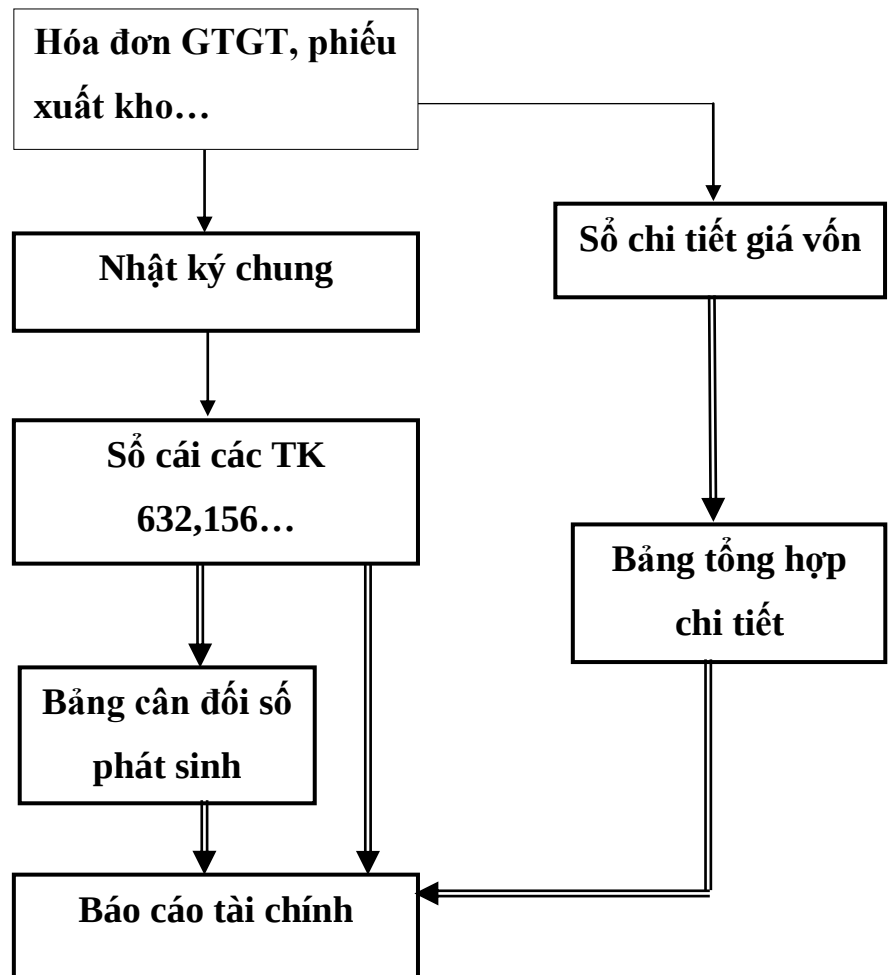
2.2.2.3 Quy trình hạch toán

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho và các chứng từ khác có liên quan, kế toán tập hợp các chứng từ có cùng nội dung vào sổ Nhật ký chung, vào sổ cái TK 632, sổ cái TK 156 và các sổ sách có liên quan khác.

Cuối tháng, kế toán thực hiện bút toán khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm, căn cứ sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán được mô tả qua sơ đồ sau(Sơ đồ 2.4)



Ghi chú:

————→ Ghi hàng ngày

=====> Ghi định kỳ

Sơ đồ 2. 4: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà

2.2.2.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2: Cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng ở ví dụ 1, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng xuất bán được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn.

Từ phiếu xuất kho, kế toán vào Sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết giá vốn, Sổ cái TK632, Sổ cái TK 156.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 190.300.000

Có TK 156: 190.300.000

Đơn vị: CTY CP XDTM&VT NGỌC HÀ

Mẫu số: 02- VT

Địa chỉ: Số 65B, Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

Nợ : 632

Số: 278

Có : 156

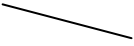
Họ tên người nhận hàng:Nguyễn Thị Ngọc.....

Địa chỉ(Bộ phận):..Bán hàng.....

Lý do xuất kho:.....Bán cho khách.....

Xuất tại kho:Số 134- A4.1/142.....

Địa điểm:.....An Trang- An Đồng- An Dương- Hải Phòng.....

STT	Tên hàng	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3
1	Bình QQ30L chống gỉ	QQ30L	Chiếc	100	1.903.000	190.300.000
						
	Cộng					190.300.000

Tổng số tiền(Viết bằng chữ): ...Một trăm chín mươi triệu ba trăm nghìn đồng.....

Số chứng từ gốc kèm theo:.....01.....

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

**Người lập
phiếu**

(Ký, họ tên)

**Người nhận
hàng**

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

**Kế toán
trưởng**

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu 2.7: Trích Phiếu xuất kho tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ
Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tài khoản: 632

Năm: 2010

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng				
					
PX470	20/12	GVHB- CH Anh Tiến	156	22.850.000	
PX471	20/12	GVHB- CH Bích Thoát	156	47.120.000	
T325	20/12	GVHB- CH Sơn Hải	156	68.457.250	
					
T350	25/12	GVHB- CTy TNHH Hoa Đạt	156	190.300.000	
					
		Cộng		512.350.560	

Biểu 2.8: Trích sổ chi tiết giá vốn tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ

Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK: 632

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>
								
20/12	T325	20/12	GVHB- CH Sơn Hải	9	450	156	68.457.250	
								
25/12	T350	25/12	GVHB- CTy TNHH Hoa Đạt	11	508	156	190.300.000	
								
31/12	KC02	31/12	KC CF để xđ KQKD T12	13	629	911		512.350.560
			Cộng phát sinh				512.350.560	512.350.560
			<u>SDCK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>

Biểu 2.9: Trích sổ cái tài khoản 632 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ
Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK: Hàng hóa

Số hiệu TK: 156

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>				<u>247.580.000</u>	
								
25/12	T350	25/12	Xuất bán hàng hóa	11	509	632		190.300.000
25/12	C256	25/12	Thanh toán tiền mua khứ mùi	11	513	1111	1.750.000	
								
			Cộng phát sinh				1.734.560.000	1.734.560.000
			<u>SDCK</u>				<u>458.020.000</u>	

Biểu 2.10 : Trích sổ cái tài khoản 156 tháng 12 năm 2010

2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.

2.2.3.1 Nội dung chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tại Công ty

Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà là một đơn vị hoạt động kinh doanh thương mại các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh bán hàng và quản lý doanh nghiệp được hạch toán như sau:

❖ **Chi phí bán hàng của Công ty bao gồm:**

- Tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng.
- Tiền nước, tiền điện, điện thoại.
- Chi phí vận chuyển hàng hóa.
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ hoạt động bán hàng.....

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp bao gồm:**

- Tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp, chi phí hành chính, tổ chức.
- Thuế, phí, lệ phí.
- Các chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác....

2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Giấy đề nghị thanh toán, Giấy thanh toán tiền tạm ứng
- Bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ tiền lương, Bảng trích khấu hao
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà kế toán sử dụng:

- TK 641: Chi phí bán hàng

- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

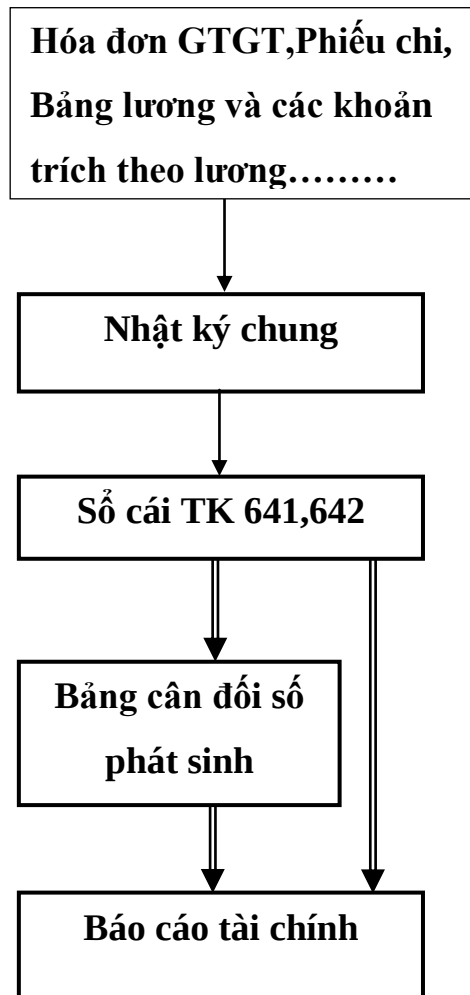
2.2.3.3 Quy trình hạch toán

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan, kế toán tập hợp các chứng từ có cùng nội dung vào sổ Nhật ký chung, vào sổ cái TK 641, sổ cái TK642 và các sổ sách có liên quan khác.

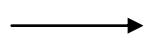
Cuối tháng, kế toán thực hiện bút toán khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm, căn cứ sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

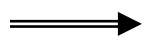
Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà được khái quát theo sơ đồ sau (Sơ đồ 2.5)



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà

2.2.3.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 3: Ngày 17/12/2010 căn cứ hóa đơn GTGT số 0085962 kế toán viết phiếu chi số 60 thanh toán tiền cước vận chuyển hàng hóa cho Công ty TNHH vận tải Nam Á tổng số tiền là 9.780.000 đ chưa VAT 5%.

Kế toán tập hợp các chứng từ liên quan đến chi phí bán hàng phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 641.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 641: 9.780.000

Nợ TK 133: 489.000

Có TK 1111: 10.269.000

Ví dụ 4: Ngày 10/12/2010 kế toán viết phiếu chi số 40 thanh toán tiền lương tháng 11/2010 cho bộ phận quản lý với số tiền là 19.594.725 đ.

- Từ các chứng từ gốc kế toán ghi sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 334, sổ cái TK 642 lập bảng cân đối tài khoản.

- Cuối kỳ kế toán, tổng hợp số liệu từ bảng cân đối tài khoản lập báo cáo tài chính.

Kế toán định khoản:

a) Nợ TK 642: 21.415.000

Có TK 1111: 21.415.000

b) Nợ TK 334: 1.820.275

Có TK 338: 1.820.275

c) Nợ TK 334: 19.594.725

Có TK 1111: 19.594.725

Biểu 2.11 : Hóa đơn GTGT số 0085962

HÓA ĐƠN				Mẫu số: 01 GTKT -3LL															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				NG/2007B															
Liên 2 : Giao khách hàng				0085962															
Ngày 17 tháng 12 năm 2010																			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH vận tải Nam Á.....																			
Địa chỉ: ... Lam Sơn- An Dương- Hải Phòng.....																			
Số tài khoản:0504700000852.....																			
Điện thoại:MS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>4</td><td>7</td><td>5</td><td>1</td><td>2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle; width: 40px;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>						0	2	0	0	5	4	7	5	1	2				
0	2	0	0	5	4	7	5	1	2										
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà.....																			
Địa chỉ: Số 65B, Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng.....																			
Số tài khoản:0509000001852.....																			
Hình thức thanh toán: ..TM.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>8</td><td>7</td><td>7</td><td>4</td><td>8</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle; width: 40px;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>						0	2	0	0	5	8	7	7	4	8				
0	2	0	0	5	8	7	7	4	8										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3														
1	Cước vận chuyển về kho	Km	24	407.500	9.780.000														
Cộng tiền hàng:					9.780.000														
Thuế GTGT: 5%			Tiền thuế GTGT		489.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					10.269.000														
Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng/																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															

Biểu 2.12 : Phiếu chi số 60

Đơn vị:CTCPXDTMVT Ngọc Hà

Mẫu số : 02 – TT

Địa chỉ: 65B ĐN –NQ -HP.....

(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 17 tháng 12 năm 2010

Quyển số: ...12..

Số : ...60...

Nợ: ..641,133.....

Có: ...1111...

Họ và tên người nhận: ...Nguyễn Trung Kiên.....

Địa chỉ:CTy TNHH vận tải Nam Á.....

Lý do chi:Thanh toán tiền cước vận chuyển.....

Số tiền: ...10.269.000...(Viết bằng chữ).Mười triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng/.....

Kèm theo:01.....Chứng từ gốc

Ngày..17.tháng.12.năm.2010.

Giám đốc

**Kế toán
trưởng**

Thủ quỹ

**Người lập
phiếu**

**Người nhận
tiền**

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ

Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
								
17/12	C60	17/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển	x	320 321 322	641 133 1111	9.780.000 489.000	10.269.000
17/12	C61	17/12	Mua xăng	x	323 324 325	641 133 1121	5.480.200 548.020	6.028.220
								
31/12	KC02	31/12	KC CF để xd KQKD T12	x x x	629 630 631 632 633 634	911 632 635 641 642 811	1.272.506.506	512.350.560 220.450.000 270.315.000 173.691.640 95.699.306
			Cộng phát sinh				4.580.760.300	4.580.760.300

Biểu 2.13 : Trích Nhật ký chung tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ
Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí bán hàng

Số hiệu TK: 641

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SDĐK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>
								
17/12	C60	17/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển	7	320	1111	9.780.000	
17/12	C61	17/12	Mua xăng	7	323	1121	5.480.200	
								
31/12	KC02	31/12	KC CF để xd KQKD T12	13	631	911		270.315.000
			Cộng phát sinh				270.315.000	270.315.000
			<u>SDCK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>

Biểu 2.14 : Trích sổ cái tài khoản 641 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: CTY CPXD TM&VT NGỌC HÀ
Địa chỉ: Số 65B, Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – LĐTL
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Số : ..11..

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng .11..năm..2010..

Bộ phận quản lý

STT	Họ tên	C Vụ	Lương TT	Hệ số lương	P Cấp	Tổng TN	Các khoản khấu trừ lương				Thực lĩnh	Ký nhận
							6%XH	1.5%YT	1%TN	Tổng		
1	Đinh Hữu Ngọc	GĐ	750.000	4.74	700.000	4.255.000	255.300	63.825	42.550	361.675	3.893.325	
2	Nguyễn Thị Hà	PGĐ	750.000	4.5	400.000	3.775.000	226.500	56.625	37.750	320.875	3.454.125	
3	Nguyễn Thanh Ngọc	T.Ký	750.000	2.34	300.000	2.055.000	123.300	30.825	20.550	174.675	1.880.325	
4	Vũ Thị Điệp	KToán	750.000	3.82	200.000	3.065.000	183.900	45.975	30.650	260.525	2.804.475	
5	Phạm Thị Thúy	KToán	750.000	3.82	200.000	3.065.000	183.900	45.975	30.650	260.525	2.804.475	
6	Trần Mai Trang	KToán	750.000	3.82	200.000	3.065.000	183.900	45.975	30.650	260.525	2.804.475	
7	Nguyễn Văn Thuận	BVệ	750.000	2.58	200.000	2.135.000	128.100	32.025	21.350	181.475	1.953.525	
	Cộng				2.200.000	21.415.000	1.284.900	321.225	214.150	1.820.275	19.594.725	

Biểu 2.15: Trích Bảng thanh toán lương tháng 11 năm 2010 cho bộ phận quản lý

Biểu 2.16 : Phiếu chi số 40

Đơn vị:CTCPXDTMVT NGỌC HÀ

Địa chỉ: Số 65B, Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số : 02 – TT

(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Quyển số: ...12..

Số : ...40...

Nợ: ...3344.....

Có: ...1111...

Họ và tên người nhận: ...Nguyễn Thị Thúy.....

Địa chỉ:Bộ phận quản lý.....

Lý do chi:Trả lương tháng 11/ 2010.....

Số tiền: ...19.594.725...(Viết bằng chữ). Mười chín triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm hai lăm đồng/.....

Kèm theo:01.....Chứng từ gốc

Ngày.10.tháng.12.năm.2010.

Giám đốc

**Kế toán
trưởng**

Thủ quỹ

**Người lập
phiếu**

**Người nhận
tiền**

(Ký, họ tên,
đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ

Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
								
10/12	C39	10/12	Tạm ứng tiền thuê ô tô vận chuyển hàng vào kho		150 151	141 1111	12.000.000	12.000.000
10/12	C40	10/12	Thanh toán lương tháng 11 cho bộ phận quản lý bằng tiền mặt	a)x	152	642	21.415.000	21.415.000
					153	334		
				b)	154	334	1.820.275	1.820.275
					155	338		
				c)	156	334	19.594.725	19.594.725
								
31/12	KC02	31/12	KC CF để xd KQKD T12		629	911	1.272.506.506	512.350.560
				x	630	632		220.450.000
					631	635		270.315.000
				x	632	641		173.691.640
				x	633	642		95.699.306
					634	811		
			Cộng phát sinh				4.580.760.300	4.580.760.300

Biểu 2.17 : Trích Nhật ký chung tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ
Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK: Quản lý doanh nghiệp

Số hiệu TK: 642

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>
								
10/12	C40	10/12	Thanh toán lương tháng 11 cho bộ phận quản lý bằng tiền mặt	a)4	152	334	21.415.000	
								
31/12	KC02	31/12	KC CF để xd KQKD T12	13	632	911		173.691.640
			Cộng phát sinh				173.691.640	173.691.640
			<u>SDCK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>

Biểu 2.18 : Trích sổ cái tài khoản 642 tháng 12 năm 2010

2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà.

2.2.4.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty

➤ Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu là nguồn thu từ lãi tiền gửi ngân hàng hàng tháng. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

➤ Chi phí hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu là các khoản : trả lãi phải nộp cho Ngân hàng, tiền vốn vay huy động, tiền thanh lý hợp đồng vay vốn huy động.....

2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ, Giấy báo có
- Ủy nhiệm chi
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 : Chi phí hoạt động tài chính

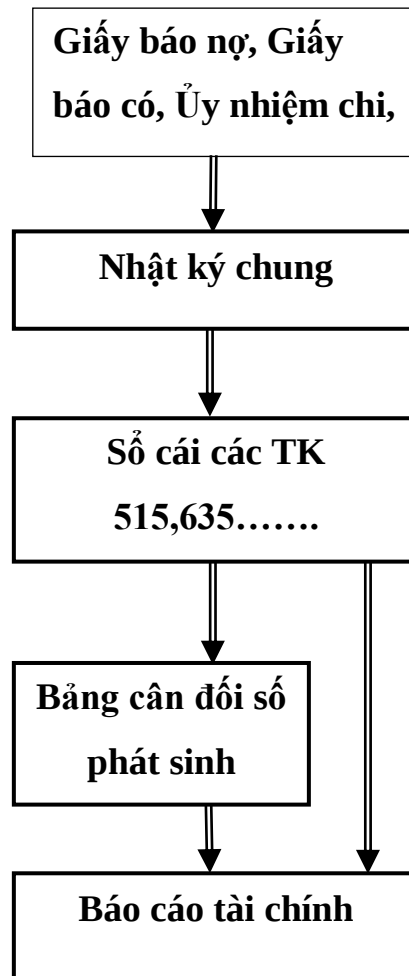
2.2.4.3 Quy trình hạch toán

Hàng tháng, khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính căn cứ vào các chứng từ có liên quan đến các khoản tiền lãi Ngân hàng được hưởng hay các khoản lãi tiền vay phải trả cho Ngân hàng và các khoản vay bên ngoài kế toán tập hợp lại vào Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK515, Sổ cái TK 635.

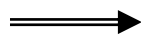
Cuối tháng, kế toán thực hiện bút toán khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm, căn cứ sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được mô tả theo sơ đồ sau(Sơ đồ 2.6)



Ghi chú:



Ghi định kỳ

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà

2.2.4.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 5 : Ngày 25/12/2010, Công ty nhận được Giấy báo có lãi tiền gửi tháng 11 của Ngân Hàng Thương Mại Á Châu số tiền là: 1.121.602 đồng.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 1121: 1.121.602

Có TK 515: 1.121.602

Nhận được giấy báo có kê toán vào Sổ Nhật ký chung, từ Nhật ký chung vào Sổ cái TK 515.

Ví dụ 6 : Ngày 31/12/2010, từ phiếu hạch toán của Ngân Hàng Thương Mại Á Châu về lãi tiền vay là 954.804 đồng.

Kê toán định khoản:

Nợ TK 635: 954.804

Có TK 112: 954.804

Nhận được giấy báo nợ, kê toán vào sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung vào Sổ cái TK 635.

Biểu 2.19: Trích Giấy báo có

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GDV: BATCH

Mã KH: 10366

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25/12/2010

Kính gửi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI & VẬN TẢI NGỌC HÀ**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 3409698

Số tiền bằng số: 1.121.602

Số tiền bằng chữ: Một triệu một trăm hai mươi một nghìn sáu trăm linh hai đồng.

Nội dung: **## LÃI NHẬP GỐC ##**

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ

Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
								
25/12	GBC43	25/12	Nhận giấy báo có của ngân hàng	x	516 517	1121 515	1.121.602	1.121.602
								
31/12	KC01	31/12	KC dthu, thu nhập để xd KQKD T12	x x	625 626 627 628	5111 515 711 911	1.532.736.000 157.256.640 87.321.000	1.777.316.640
								
			Cộng phát sinh				4.580.760.300	4.580.760.300

Biểu 2.20 : Trích Nhật ký chung tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ

Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 515

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>
25/12	GBC43	25/12	Nhận giấy báo có của ngân hàng	11	517	1121		1.121.602
								
31/12	KC01	31/12	KC dthu, thu nhập để xd KQKD T12	13	626	911	157.256.640	
			Cộng phát sinh				157.256.640	157.256.640
			<u>SDCK</u>				<u>x</u>	<u>X</u>

Biểu 2.21 : Trích sổ cái tài khoản 515 tháng 12 năm 2010

Biểu 2.22: Trích Giấy báo nợ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GDV: BATCH
Mã KH: 10366

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 31/12/2010

Kính gửi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI & VẬN TẢI NGỌC HÀ**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 3409698

Số tiền bằng số: 954.804

Số tiền bằng chữ: Chín trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm linh bốn đồng.

Nội dung: **## Thanh toán tiền lãi vay ngân hàng ##**

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ
Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
								
31/12	GBN32	31/12	Nhận giấy báo nợ của ngân hàng	x	590 591	635 112	954.804	954.804
								
31/12	KC02	31/12	KC CF để xđ KQKD T12	x x x x	629 630 631 632 633 634	911 632 635 641 642 811	1.272.506.506	512.350.560 220.450.000 270.315.000 173.691.640 95.699.306
								
			Cộng phát sinh				4.580.760.300	4.580.760.300

Biểu 2.23: Trích Nhật ký chung tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ

Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí tài chính

Số hiệu TK: 635

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>
								
31/12	GBN32	31/12	Nhận giấy báo nợ của ngân hàng	12	591	112	954.804	
								
31/12	KC02	31/12	KC CF để xd KQKD T12	13	630	911		220.450.000
								
			Cộng phát sinh				220.450.000	220.450.000
			<u>SDCK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>

Biểu 2.24: Trích sổ cái tài khoản 635 tháng 12 năm 2010

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.

2.2.5.1 Nội dung thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty.

➤ Thu nhập khác tại Công ty là những khoản thu, góp nhằm làm tăng vốn chủ sở hữu hoạt động ngoài, các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền cho thuê, thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại, tiền hoa hồng bán hàng

➤ Chi phí khác tại Công ty là những khoản lỗ do các sự kiện hay nhiệm vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra. Cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ năm trước như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, bị phạt thuế, truy thu thuế, chi tiền lãi suất chậm đóng BHXH....

2.2.5.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Phiếu chi
- Thông báo nộp phạt của cơ quan thuế
- Các chứng từ khác liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 711 : Thu nhập khác
- TK 811 : Chi phí khác

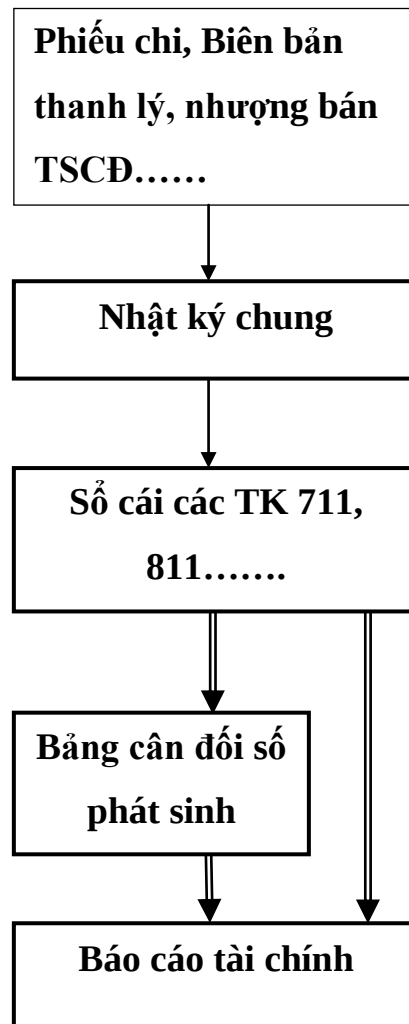
2.2.5.3 Quy trình hạch toán

Hàng ngày khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, căn cứ chứng từ gốc như: phiếu chi, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ...kế toán tập hợp lại vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 711, sổ cái TK 811 và các sổ sách khác liên quan.

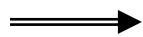
Cuối tháng, kế toán thực hiện bút toán khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm, căn cứ sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được mô tả theo sơ đồ sau(Sơ đồ 2.7)



Ghi chú:



Ghi định kỳ

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà

2.2.5.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 7: Ngày 19/12/2010 thanh lý một máy Fotocopy chi phí thanh lý là 275.770đ(đã có VAT 10%), giá trị thu hồi bằng tiền mặt là 616.000đ(đã VAT 10%)

Căn cứ biên bản thanh lý TSCĐ, kế toán vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 711, sổ cái TK 811.

Kế toán định khoản:

- a) Nợ TK 811: 1.076.342
 Nợ TK 214: 9.687.078
 Có TK 211: 10.763.420
- b) Nợ TK 811: 250.700
 Nợ TK 133: 25.070
 Có TK 1111: 275.770
- c) Nợ TK 1111: 616.000
 Có TK 711: 560.000
 Có TK 3331: 56.000

BIÊN BẢN THANH LÝ, NHƯỢNG BÁN TSCĐ

Ngày 19 tháng 12 năm 2010

Căn cứ quyết định số 68 ngày 19 tháng 12 năm 2010 của Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà về việc thanh lý tài sản cố định.

I/ Ban thanh lý TSCĐ gồm:

*** Bên thanh lý (Bên A)**

Bà: Nguyễn Thị Hà Chức vụ: Phó giám đốc kinh doanh Trưởng ban

Bà: Vũ Thị Điệp Chức vụ: Kế toán Ủy viên

*** Bên mua (Bên B)**

Bà: Trần Thu Thủy Chức vụ: Phó giám đốc kinh doanh Trưởng ban

Ông: Phạm Bá Duy Chức vụ: Kỹ sư Ủy viên

II/ Tiến hành thanh lý như sau:

Tên, quy cách TSCĐ: Máy Fotocopy

Nước sản xuất: Nhật Bản

Năm sản xuất: 1998

Năm đưa vào sử dụng: 2001

Số thẻ TSCĐ: 040

Nguyên giá: 10.763.420

Thời gian sử dụng: 9 năm

Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm hiện này: 9.687.078

Giá trị còn lại: 1.076.342

III/ Kết luận của ban thanh lý TSCĐ:

Máy Fotocopy vẫn hoạt động bình thường

IV/ Kết quả thanh lý TSCĐ

- Chi phí thanh lý TSCĐ: 275.770đ
- Giá trị thu hồi bằng tiền mặt: 616.000đ
- Đã ghi giảm số TSCĐ 040 ngày 19/12/2010

Ngày.19.tháng.12.năm.2010.

Đại diện (Bên A)

(Ký, họ tên)

Đại diện (Bên B)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.25: Trích biên bản thanh lý TSC Đ tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ
Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
								
19/12	TL03	19/12	Thanh lý máy Fotocopy	a)x	375	811	1.076.342	10.763.420
					376	214	9.687.078	
					377	211		
				b)x	378	811	250.700	275.770
					379	133	25.070	
					380	1111		
				c)	381	1111	616.000	560.000
				x	382	711		
				x	383	3331		
								56.000
								
31/12	KC01	31/12	KC dthu, thu nhập để xđ KQKD T12	x	625	511	1.532.736.000	
				x	626	515	157.256.640	
				x	627	711	87.321.000	

				x	628	911		1.777.316.640
31/12	KC02	31/12	KC CF để xđ KQKD T12	x	629	911	1.272.506.506	
				x	630	632		512.350.560
				x	631	635		220.450.000
				x	632	641		270.315.000
				x	633	642		173.691.640
				x	634	811		95.699.306
								
			Cộng phát sinh				4.580.760.300	4.580.760.300

Biểu 2.26 : Trích Nhật ký chung tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ

Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK: Thu nhập khác

Số hiệu TK: 711

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SDĐK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>
								
19/12	TL03	19/12	Thanh lý máy Fotocopy	8	382	1111		560.000
								
31/12	KC01	31/12	KC dthu, thu nhập xđ KQKD	13	627	911	87.321.000	
			Cộng phát sinh				87.321.000	87.321.000
			<u>SDCK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>

Biểu 2.27 : Trích sổ cái tài khoản 711 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ
Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí khác

Số hiệu TK: 811

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SDĐK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>
								
19/12	TL03	19/12	Thanh lý máy Fotocopy	8	375	211	1.076.342	
				8	378	1111	250.700	
								
31/12	KC02	31/12	KC CF để xd KQKD	13	634	911		95.699.306
			Cộng phát sinh				95.699.306	95.699.306
			<u>SDCK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>

Biểu 2.28 : Trích sổ cái tài khoản 811 tháng 12 năm 2010

2.2.6 Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà

Thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế bắt buộc hàng năm doanh nghiệp phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} * \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \frac{\text{Lợi nhuận kế toán trước thuế}}{\text{thuế}} - \frac{\text{Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán}}{\text{thuế}}$$

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty đang tính hiện nay là : 25%.

2.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà

Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh được tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lãi hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo này rất quan trọng không chỉ cho nhà quản lý mà còn cho đối tượng quan tâm khác: cục thuế, nhà đầu tư, ngân hàng... Vì vậy, báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan.

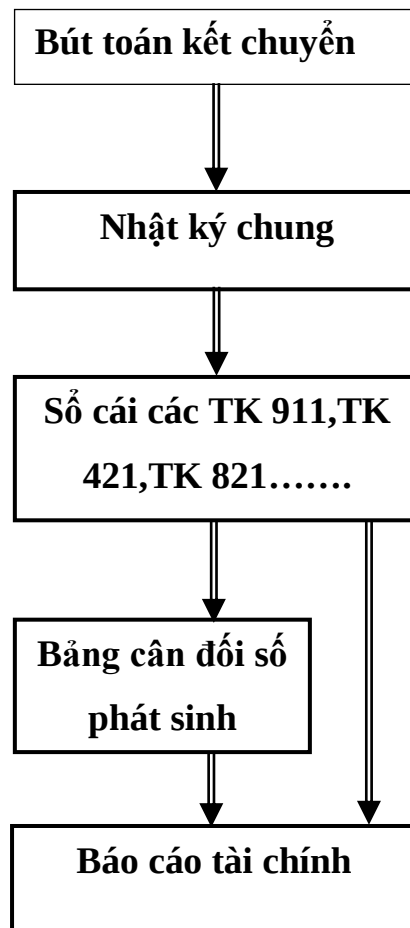
Căn cứ vào các loại sổ chi tiết, sổ tổng hợp của các phần hành liên quan, cuối tháng kế toán tổng hợp lên Báo cáo kết quả kinh doanh.

2.2.7.1 Tài khoản sử dụng

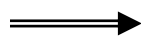
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- Các TK có liên quan khác: TK 511, TK 515, TK 632, TK 635.....

2.2.7.2 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh được hạch toán theo sơ đồ sau(Sơ đồ 2.8)



Ghi chú:



Ghi định kỳ

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà

- Kết quả sản xuất kinh doanh được công ty xác định trong niên độ tài chính là một năm từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm theo quy định của Nhà nước và được thể hiện trên báo cáo tài chính năm.

2.2.7.3 Ví dụ minh họa

Ví dụ 8: Ngày 31/12/2010 , kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ
Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
								
31/12	KC01	31/12	KC dthu, thu nhập để xd KQKD T12	x x x x	625 626 627 628	5111 515 711 911	1.532.736.000 157.256.640 87.321.000	1.777.316.640
31/12	KC02	31/12	KC CF để xd KQKD T12	x x x x x x	629 630 631 632 633 634	911 632 635 641 642 811	1.272.506.506	512.350.560 220.450.000 270.315.000 173.691.640 95.699.306
31/12	KC03	31/12	XD thuế TNDN T12	x x	635 636	821 3334	126.202.534	126.202.534
31/12	KC04	31/12	KC CF thuế TNDN T12	x x	637 638	911 821	126.202.534	126.202.534
31/12	KC05	31/12	KC LN sau thuế TNDN T12	x x	639 640	911 421	378.607.600	378.607.600
			Cộng phát sinh				4.580.760.300	4.580.760.300

Biểu 2.29: Trích Nhật ký chung tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ
Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK: 911

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SDDK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>
								
31/12	KC01	31/12	KC dthu thuần để xd KQKD T12	13 13	628 628 628	5111 515 711		1.532.736.000 157.256.640 87.321.000
31/12	KC02	31/12	KC CF để xd KQKD T12	13 13 13 13 13	629 629 629 629 629	632 635 641 642 811	512.350.560 220.450.000 270.315.000 173.691.640 95.699.306	
31/12	KC04	31/12	KC CF thuế TNDN T12	13	637	821	126.202.634	

31/12	KC05	31/12	KC LN sau thuế TNDN T12	13	639	421	378.607.600	
			Cộng phát sinh				1.777.316.640	1.777.316.640
			<u>SDCK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>

Biểu 2.30: Trích sổ cái tài khoản 911 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ

Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu TK: 821

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>
								
31/12	KC03	31/12	XĐ thuế TNDN T12	13	635	3334	126.202.534	
31/12	KC04	31/12	KC CF thuế TNDN T12	13	638	911		126.202.534
			Cộng phát sinh				126.202.534	126.202.534
			<u>SDCK</u>				<u>x</u>	<u>x</u>

Biểu 2.31: Trích sổ cái tài khoản 821 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ

Số 65B –Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu TK: 421

Từ ngày 01/12/2010 – Đến ngày 31/12/2010

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SDĐK</u>					<u>767.360.592</u>
								
31/12	KC05	31/12	KC LN sau thuế TNDN T12	13	640	911		378.607.600
			Cộng phát sinh				515.245.200	378.607.600
			<u>SDCK</u>					<u>630.722.992</u>

Biểu 2.32 : Trích sổ cái tài khoản 421 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: CTY CP XDTM&VT NGỌC HÀ

Mẫu số B02- DNN

Địa chỉ: Số 65B, Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**Năm 2010****Đơn vị tính: VNĐ**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	146.631.412.352	117.658.071.987
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	10		146.631.412.352	117.658.071.987
4.Giá vốn hàng bán	11	VI.27	126.738.580.634	104.641.225.673
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		19.892.831.718	13.016.846.314
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.531.702.347	2.061.308.486
7.Chí phí tài chính	22	VI.28	4.996.602.624	2.069.340.638
- Trong đó: Chí phí lãi vay	23		4.849.419.845	1.995.247.405
8.Chí phí bán hàng	24		4.192.027.148	2.878.741.919
9.Chí phí quản lý doanh nghiệp	25		5.493.203.145	4.364.747.149
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22)-(24+25))	30		6.742.701.140	5.765.325.090
11.Thu nhập khác	31		27.088.590.273	912.842.147
12.Chí phí khác	32		26.901.445.444	2.448.114.341
13.Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		187.144.829	(1.535.272.194)
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		6.929.845.969	4.230.052.896
15.Chí phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1.334.800.847	813.288.219
16.Chí phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-
17.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		5.595.045.122	3.416.764.677
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm
Giám đốc
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI&VẬN TẢI NGỌC HÀ

3.1: Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà

Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà là doanh nghiệp tư nhân, đặc điểm hoạt động SXKD của Công ty là thương mại. Do đó hoạt động bán hàng diễn ra thường xuyên, liên tục. Chính vì vậy, kế toán trở thành công cụ đắc lực giúp Ban giám đốc trong việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh tế bằng cách cung cấp chính xác, kịp thời, đầy đủ các số liệu kinh tế, phân tích chúng để nhà quản lý có được một đánh giá đúng đắn thực trạng tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khắc phục kịp thời những tồn tại và phát huy những ưu điểm, tiềm năng chưa được khai thác. Từ đó, đề ra các phương án sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

Cùng với sự phát triển của đất nước, Công ty đã không ngừng phấn đấu để đạt được kết quả nhanh và bền vững. Bộ máy quản lý nói chung và bộ máy kế toán nói riêng đặc biệt là khâu kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không ngừng hoàn thiện đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

3.1.1 Những ưu điểm đạt được

Là một doanh nghiệp tư nhân luôn đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo đầy đủ công ăn việc làm cho người lao động, thu nhập của cán bộ công nhân viên ổn định. Đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ. Điều đó khẳng định vai trò, vị thế của Công ty trên toàn quốc.

– **Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh:** Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

– **Về tổ chức bộ máy kế toán của Công ty:** Cơ cấu của phòng tài chính kế toán gọn nhẹ, chặt chẽ, mỗi người phụ trách một mảng riêng, có nhiệm vụ và quyền hạn đối với mỗi phần hành của mình. Cán bộ kế toán có tính độc lập, trình độ năng lực chuyên môn cao, có nhiệt tình và lòng yêu nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Nhiều năm liền chưa để xảy ra sai phạm đáng kể trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê. Do vậy mà bộ máy kế toán của Công ty luôn ổn định và đảm bảo việc theo dõi, báo sổ hàng tháng của Công ty đúng hạn. Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật và quy định của Công ty. Điều này giúp cho công tác quản lý của Công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh. Một yếu tố khác không kém phần quan trọng là trang thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh, văn phòng và kế toán khá đầy đủ và hiện đại. Mỗi một nhân viên kế toán đều được trang bị máy vi tính có nối mạng để dễ chia sẻ và tổng hợp số liệu.

– **Về Chứng từ kế toán:** Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy, bảo đảm tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

– **Về sổ sách kế toán:** Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng, sạch sẽ và được in ra lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của Nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, ưu điểm của phương pháp này là tránh được hiện tượng ghi chép trùng lặp, đảm bảo thông tin kịp thời cho công tác quản lý kinh doanh, tổng hợp số liệu nhanh để lên Báo cáo tài chính.

– **Về hệ thống tài khoản sử dụng:** Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung.

– **Về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty:**

+ Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại đơn vị.

+ Các nhân viên kế toán được sự hướng dẫn của kế toán trưởng công ty nên công tác hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty hiện nay rất nhanh chóng và chính xác. Đồng thời cùng với sự hỗ trợ đắc lực bởi hệ thống máy vi tính với những chương trình được cài đặt sẵn, phần lớn doanh thu và chi phí đều được hạch toán và theo dõi chi tiết, chặt chẽ theo từng vụ việc giúp cho việc đánh giá hiệu quả của từng hợp đồng kinh tế được dễ dàng.

+ Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đảm bảo thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu đáp ứng yêu cầu của Ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty một cách kịp thời và chính xác.

3.1.2 Những mặt còn hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên , công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế sau:

✱ Về việc luân chuyển chứng từ:

Mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho về cơ bản đều đúng trình tự. Tuy nhiên giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

*** Về sổ sách kế toán:**

Đa số doanh thu và giá vốn của Công ty đều được hạch toán vào cuối tháng cùng vào thời điểm lập Báo cáo tài chính nên công việc của kế toán tại phòng kế toán của Công ty bị dồn vào cuối tháng rất nhiều, điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc và dễ gây ra nhầm lẫn sai sót, ảnh hưởng đến tiến độ công việc .

*** Về phương thức hạch toán kế toán:**

Trong điều kiện kinh tế thị trường, tình trạng kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến đổi về quy mô, ngành nghề trong lĩnh vực kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức kinh doanh, cách thức hạch toán và cách thức lãnh đạo... Hơn nữa, nhu cầu quản lý nhà nước về tài chính, thuế, ngân hàng, thị trường chứng khoán... cũng như yêu cầu quản lý kinh doanh của Công ty, đòi hỏi cần thiết phải có phần mềm kế toán mới đáp ứng tốt hơn và nâng cao chất lượng thông tin được cung cấp. Mặc dù Công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính nhưng Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán chỉ làm kế toán excel trên vi tính mất khá nhiều thời gian, đôi khi còn có sự sai lệch nhầm lẫn về số liệu.

3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .**3.2.1 Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà.**

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hóa, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh , phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác

cao giúp cho nhà quản lý đúng và chính xác về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời, những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.2.2 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Sự chuyển đổi nền kinh tế đất nước từ thời bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước là một yếu tố khách quan trong điều kiện môi trường mới cùng với sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật đang từng giờ làm thay đổi thế giới, mở rộng và hội nhập nền kinh tế thị trường là một yêu cầu cần thiết. Để đáp ứng và tồn tại trên thị trường đòi hỏi mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp không thể hài lòng với những gì đạt được, muốn chiếm lĩnh được thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà nói riêng phải cạnh tranh gay gắt, mặt khác phải luôn năng động, nhanh nhạy nắm bắt được xu thế của thị trường, không ngừng mở rộng quan hệ buôn bán, hợp tác phát triển. Đổi mới công nghệ, kinh nghiệm, nâng cao chất lượng hàng hóa dịch vụ nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng.

Muốn làm được các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến, hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất, trong các công cụ quản lý đó kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực nhất thông qua việc thu thập, ghi chép, xử lý, tính toán, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán. Chứng từ, tài khoản, tính toán, tổng hợp, cân đối để có thể cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản, sự biến động của tài sản giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh

nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn, kịp thời trong từng thời kỳ. Vì vậy doanh nghiệp phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán cho phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay, nhất là trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện công tác kế toán thì hệ thống chứng từ ban đầu sẽ nâng cao được tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc hoàn thiện góp phần sử dụng đúng tài khoản để phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán, đồng thời giúp cho các bạn hàng, ngân hàng, những người quan tâm đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp biết.

Số liệu kế toán phải chính xác tuyệt đối và dễ hiểu đảm bảo sự minh bạch, công khai, thể hiện sự tiết kiệm nhưng có hiệu quả.

3.3 Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại & vận tải Ngọc Hà.

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

a) Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

b) Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

c) Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính

xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

d) Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.4 Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.

Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng của kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà, em xin đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty như sau:

3.4.1 Kiến nghị 1: Ứng dụng phần mềm kế toán.

Tin học hóa hệ thống kế toán trong doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện giảm bớt khối lượng công việc, giảm bớt sổ sách kế toán và đặc biệt cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác tạo điều kiện cho công tác quản lý.

Công ty có thể đi mua phần mềm của nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán **MISA** của Công ty cổ phần **MISA**.
- Phần mềm kế toán **ACMAN** của Công ty cổ phần **ACMAN**.
- Phần mềm kế toán **FAST** của Công ty cổ phần **FAST**.

Khi thực hiện giải pháp này sẽ giúp cho việc xử lý và cung cấp thông tin kinh tế- tài chính nhanh chóng, kịp thời, chính xác và tiết kiệm được sức lao động, hiệu quả công việc cao đồng thời lưu trữ bảo quản dữ liệu thuận lợi và an toàn.

3.4.2 Kiến nghị 2: Về chính sách ưu đãi khách hàng trong tiêu thụ hàng hóa.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều tập thể, cá nhân kinh doanh mặt hàng của Công ty nên tình hình cạnh tranh diễn ra rất gay gắt, Công ty hiện nay đã có một số lượng khách hàng truyền thống lâu năm, những khách hàng này thường là những đại lý và thường mua với số lượng lớn. Việc áp dụng linh hoạt các chính

sách bán hàng là rất quan trọng, hàng hóa muốn bán được nhiều cần đáp ứng tốt về chất lượng, vừa phải có giá cả phù hợp. Vậy Công ty nên áp dụng một số biện pháp khuyến mại như giảm giá, chiết khấu thương mại khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn và thanh toán tiền nhanh nhằm giữ được những khách hàng này.

Để tiện theo dõi kế toán nên mở thêm chi tiết cho tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”. Phương pháp hạch toán tài khoản này như sau:

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh:

Nợ TK 521: Chiết khấu thương mại khách hàng được hưởng

Nợ TK 3331: Thuế VAT phải nộp theo chiết khấu thương mại

Có TK 111, 112, 131: Số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng.

– Cuối kỳ, kế toán kết chuyển số tiền (Chiết khấu bán hàng đã được chấp nhận) cho khách hàng sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521: Chiết khấu thương mại

Hiệu quả mang lại là Công ty không những giữ được các khách hàng truyền thống mà còn phát triển được khối lượng khách hàng mới.

3.4.3 Kiến nghị 3: Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán

Đặc điểm của kế toán tài chính là kế thừa số liệu của các phần hành kế toán trước đó như: kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán chi phí... các chứng từ phát sinh đều là các chứng từ tự lập, các chứng từ này đều được luân chuyển trong nội bộ đơn vị để làm căn cứ hạch toán kết quả kinh doanh. Mục đích của việc lập các chứng từ này là để tập hợp và phản ánh một cách đầy đủ và chi tiết các khoản doanh thu, chi phí được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Chứng từ có thể lập theo mẫu sau:

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày...tháng...năm...

Số phiếu:..

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK nợ	TK có	Số tiền
A	B	C	D	E	F	G	H

Bảng chữ:.....

Ngày...tháng...năm...

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Phương pháp ghi:

- + Cột A: số thứ tự các bút toán.
- + Cột B: ghi tóm tắt tên, nội dung các nghiệp vụ phát sinh.
- + Cột C,D: ghi số hiệu của tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có của nghiệp vụ.
- + Cột E: ghi số tiền của tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có của nghiệp vụ.
- + Cột F,G: số hiệu của tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có chi tiết của nghiệp vụ.
- + Cột H: ghi số tiền của tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có chi tiết của nghiệp vụ.
- + Cột F,G,H: được ghi khi nghiệp vụ phát sinh có tài khoản chi tiết.

Chứng từ được lập ra là căn cứ pháp lý cho việc bảo vệ tài sản và xác minh tính hợp pháp trong việc giải quyết các mối quan hệ kinh tế pháp lý thuộc đối tượng của hạch toán kế toán nói chung và kế toán xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Đồng thời, giúp cho các cơ quan quản lý dễ dàng kiểm tra quy trình ghi chép

của kế toán trong việc hạch toán kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, đỡ mất thời gian rà soát lại các sổ tài khoản doanh thu, chi phí.

Là cơ sở để phân loại, tổng hợp các nghiệp vụ hạch toán kết quả kinh doanh vào các sổ kế toán. Đồng thời là thông tin kịp thời đúng lúc, giúp cho kế toán, chủ doanh nghiệp có cơ sở để đối chiếu, so sánh khi cần thiết và tránh nhầm lẫn sai sót khi ghi các bút toán kết chuyển vào sổ sách, góp phần triệt để hạch toán kinh doanh nội bộ.

Ví dụ: Ngày 31/12/2010 kết chuyển chi phí tài chính tháng 12 để xác định kết quả kinh doanh của Công ty, số tiền là 220.450.000đ. Kế toán cần lập phiếu kế toán sau:

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày.31.tháng.12.năm2010.

Số phiếu:..

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK nợ	TK có	Số tiền
A	B	C	D	E	F	G	H
1	KC CF tài chính	635	911	220.450.000			
Cộng				220.450.000			

Bằng chữ:.....

Ngày...tháng...năm...

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

3.4.4 Kiến nghị 4: Về tổ chức bộ máy kế toán

Kế toán trưởng kiêm quá nhiều công việc nên giảm bớt gánh nặng cho kế toán trưởng. Ban lãnh đạo công ty có thể tuyển thêm nhân viên kế toán giỏi nghiệp vụ gánh vác một phần trách nhiệm với kế toán trưởng. Kế toán mới có thể đảm vai trò kế toán tổng hợp, kiểm tra đối chiếu số liệu, thực hiện các bút toán kết chuyển

cuối kỳ, lập các Báo cáo tài chính và nộp lên cơ quan Nhà nước theo đúng thời gian quy định. Công ty nên bồi dưỡng cho kế toán về trình độ chuyên môn cũng như nghiệp vụ kế toán để công việc hạch toán chính xác và đầy đủ hơn.

3.4.5 Kiến nghị 5: Hoàn thiện quy trình luân chuyển chứng từ tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.

Để đảm bảo việc giao nhận chứng từ không xảy ra mất mát hoặc bỏ sót và dễ dàng quy trách nhiệm cũng như tìm lại chứng từ thất lạc, khi bàn giao chứng từ giữa các phòng ban nên có biên bản bàn giao hoặc sổ theo dõi quy trình luân chuyển chứng từ.

Như vậy khi không thấy chứng từ, các phòng ban có thể xem xét, kiểm tra, đối chiếu với sổ theo dõi chứng từ. Nhờ đó dễ dàng tìm lại chứng từ hoặc quy trách nhiệm cho người cụ thể.

3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.

3.5.1 Về phía Nhà nước.

Chính sách Nhà nước ngày càng ban hành nhiều quyết định, thông tư trong chế độ kế toán mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ do vậy Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà nói riêng và các doanh nghiệp khác nói chung có một môi trường tốt để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán của mình.

3.5.2 Về phía doanh nghiệp

- Công ty phải có đội ngũ cán bộ, nhân viên kế toán không những nắm vững các nghiệp vụ kế toán, luật kế toán, tài chính doanh nghiệp mà còn am hiểu các nghiệp vụ ngoại thương, am hiểu các nghiệp vụ kinh doanh xuất khẩu hàng hóa... Hơn thế nữa, cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hết lòng vì công việc, nắm vững nghiệp vụ trong vị trí được giao, biết cách thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Trước những thành tựu công nghệ thông tin nói chung và việc ứng dụng các thành tựu vào quản lý kinh tế nói riêng nhằm đạt hiệu quả cao trong kinh doanh,

hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng phải theo hướng hiện đại hóa trong ghi chép và xử lý số liệu nhằm nâng cao năng suất lao động đáp ứng nhu cầu thông tin nhanh, chính xác, đầy đủ cho lãnh đạo. Để hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hướng này, đòi hỏi đội ngũ cán bộ kế toán phải am hiểu và thành thạo phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty và lập Báo cáo tài chính.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà với những lý luận đã được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình thực tập tại Công ty được sự quan tâm giúp đỡ của Ban lãnh đạo, đặc biệt là các cô chú, các anh chị cán bộ công nhân viên phòng kế toán đã giúp em học hỏi được rất nhiều về thực hành kế toán. Cùng với sự giúp đỡ của các thầy, các cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Nội dung của đề tài khóa luận này là rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy, các cô.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến thầy giáo Thạc sĩ Vũ Hùng Quyết người đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy, cô giáo trong khoa, các cán bộ công nhân viên trong công ty đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại công ty.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Trần Thị Hạnh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
3. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
4. Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán mới – TS Nghiêm Văn Lợi.
5. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính VAT – TS Võ Văn Công.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	3
1.1 Một số vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1.1 Một số khái niệm cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.1.1 Doanh thu	3
1.1.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu	3
1.1.1.3 Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.	4
1.1.1.4 Doanh thu tài chính và chi phí tài chính	5
1.1.1.5 Thu nhập khác và chi phí khác.....	6
1.1.1.6 Kết quả kinh doanh	6
1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	7
1.1.3 Nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	8
1.2 Nội dung tổ chức hạch toán kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	8
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	8
1.2.1.1 Điều kiện ghi nhận doanh thu.....	9
1.2.1.2 Chứng từ sử dụng	10
1.2.1.3 Tài khoản sử dụng	10
1.2.1.4 Phương pháp hạch toán	12
1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	12
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng	12
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng	12
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán	14

1.2.3	Kế toán giá vốn hàng bán.....	15
1.2.3.1	Các phương pháp tính giá vốn hàng bán.....	15
1.2.3.2	Chứng từ sử dụng	16
1.2.3.3	Tài khoản sử dụng	16
1.2.3.4	Phương pháp hạch toán	18
1.2.4	Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	19
1.2.4.1	Chứng từ sử dụng	19
1.2.4.2	Tài khoản sử dụng.....	19
1.2.4.2	Phương pháp hạch toán	21
1.2.5	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	22
1.2.5.1	Chứng từ sử dụng	22
1.2.5.2	Tài khoản sử dụng	22
1.2.5.3	Phương pháp hạch toán	23
1.2.6	Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	24
1.2.6.1	Chứng từ sử dụng	24
1.2.6.2	Tài khoản sử dụng	24
1.2.6.3	Phương pháp hạch toán	25
1.2.7	Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	26
1.2.7.1	Tài khoản sử dụng	26
1.2.7.2	Phương pháp hạch toán	27
1.2.8	Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	27
1.2.8.1	Chứng từ sử dụng	27
1.2.8.2	Tài khoản sử dụng	28
1.2.8.3	Phương pháp hạch toán	28
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI & VẬN TẢI NGỌC HÀ.....		30
2.1	Khái quát chung về Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.....	30
2.1.1	Quá trình hình thành và phát triển Công ty.....	30
2.1.2	Phạm vi và mục tiêu hoạt động của công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.....	31

2.1.2.1 Mục tiêu.....	31
2.1.2.2 Phạm vi hoạt động của Công ty	31
2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.....	32
2.1.3.1 Hội đồng quản trị.....	33
2.1.3.2 Giám đốc Công ty	33
2.1.3.3 Phó giám đốc.....	34
2.1.3.4 Các phòng chức năng.....	34
2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.....	36
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.....	36
2.1.4.2 Hình thức kế toán áp dụng ở Công ty.....	36
2.1.4.3 Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.....	38
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.....	39
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.....	39
2.2.1.1 Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty	39
2.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	40
2.2.1.3 Quy trình hạch toán.....	41
2.2.1.4 Ví dụ minh họa.....	42
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.....	49
2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty	49
2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	49
2.2.2.3 Quy trình hạch toán.....	49
2.2.2.4 Ví dụ minh họa.....	51
2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.	56
2.2.3.1 Nội dung chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tại Công ty.....	56

2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	56
2.2.3.3 Quy trình hạch toán.....	57
2.2.3.4 Ví dụ minh họa.....	59
2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.	68
2.2.4.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty	68
2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	68
2.2.4.3 Quy trình hạch toán.....	68
2.2.4.4 Ví dụ minh họa.....	69
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.....	76
2.2.5.1 Nội dung thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty.....	76
2.2.5.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	76
2.2.5.3 Quy trình hạch toán.....	76
2.2.5.4 Ví dụ minh họa.....	78
2.2.6 Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.....	84
2.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.....	84
2.2.7.1 Tài khoản sử dụng	84
2.2.7.2 Quy trình hạch toán.....	85
2.2.7.3 Ví dụ minh họa.....	86
CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI & VẬN TẢI NGỌC HÀ.....	92
3.1: Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.....	92
3.1.1 Những ưu điểm đạt được.....	92

3.1.2 Những mặt còn hạn chế.....	94
3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	95
3.2.1 Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.....	95
3.2.2 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	96
3.3 Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.....	97
3.4 Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.....	98
3.4.1 Kiến nghị 1: Ứng dụng phần mềm kế toán.	98
3.4.2 Kiến nghị 2: Về chính sách ưu đãi khách hàng trong tiêu thụ hàng hóa.	98
3.4.3 Kiến nghị 3: Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán	99
3.4.4 Kiến nghị 4: Về tổ chức bộ máy kế toán.....	101
3.4.5 Kiến nghị 5: Hoàn thiện quy trình luân chuyển chứng từ tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.	101
3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thương mại&vận tải Ngọc Hà.....	102
3.5.1 Về phía Nhà nước.....	102
3.5.2 Về phía doanh nghiệp.....	102
KẾT LUẬN	103
TÀI LIỆU THAM KHẢO	104